UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học
Ngành đào tạo: Quản lý đất đai
Mã số: 7850103

Thanh Hóa, Tháng 9 năm 2024

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHĐ, ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản lý đất đai
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Land Management
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7850103
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Khoa học đất và Môi trường
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4,0 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	132
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản lý đất đai có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau: - Các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về đất đai; Các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực đất đai; - Ban quản lý dự án xây dựng các huyện, thị, thành phố; - Cán bộ Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường tại các xã, phường, thị trấn; Cán bộ bộ phận hành chính 1 cửa xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện); - Kỹ thuật viên làm việc tại các công ty, các tổ chức tư vấn hoạt động trong các lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đo đạc lập bản đồ, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các công ty môi giới, định giá và kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng; các tổ chức tài chính… - Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai;

	- Giảng viên trong các trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước - Học văn bằng hai ở các ngành phù hợp
Chương trình tham khảo:	- Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2021),https://dt.hunre.edu.vn/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-he-chinh-quy-nganh-quan-ly-dat-dai.html; - Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế (2020), https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-quan-ly-dat-dai; - Chương trình khung ĐH QLĐĐ, ĐH Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (2020), https://daotao.hcmunre.edu.vn/cu-nhan-quan-ly-dat-dai-chuyen-nganh-quy-hoach-dat-dai-2020.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư ngành Quản lý đất có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có sức khỏe tốt. Có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn ngành Quản lý đất đai. Có khả năng phân tích, vận dụng được kiến thức lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn. Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết và cập nhật được các vấn đề mới trong công tác quản lý đất đai phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

- PO1: Có kiến thức cơ bản lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh;

- PO2: Có kiến thức vững chắc về Tiếng Anh và sử dụng được Tiếng Anh trong các môi trường công việc khác nhau; các kiến thức chung về công nghệ số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, quyền con người và bình đẳng giới, công nghệ môi trường; biến đổi khí hậu…để vận dụng và sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo;

- PO3: Có kiến thức chuyên môn sâu về đo đạc, bản đồ để thành lập các loại bản đồ chuyên ngành quản lý đất đai; hệ thống văn bản pháp luật đất đai để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; tài chính đất đai để định giá đất và quản lý thị trường bất động sản; quy hoạch để lập và tổ chức thực hiện hệ thống quy hoạch sử dụng đất. Luôn

cập nhật và vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên môn sâu ngành quản lý đất đai để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đất đai trong thực tế.

2.1.2.2. Kỹ năng

- PO4: Sử dụng hiệu quả các thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, làm việc; có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để giao tiếp được bằng tiếng Anh trong các lĩnh vực đời sống, xã hội và nghiên cứu chuyên môn;

- PO5: Giải quyết được các vấn đề về trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai như: thống kê, kiểm kê đất đai, đo đạc thành lập bản đồ, lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, vận dụng đúng các văn bản pháp luật đất đai, có kỹ năng đàm phán cũng như giải quyết các tranh chấp đất đai trong thực tiễn.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO6: Có phương pháp làm việc độc lập; làm việc theo nhóm; kỹ năng kết nối và quản lý nhóm; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có khả năng tiếp tục học tập nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực công tác phù hợp với nhu cầu cá nhân và sự phát triển của khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội của đất nước.

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, văn hóa xã hội, công nghệ thông tin, công nghệ và môi trường, quyền con người, biến đổi khí hậu, ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh… để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Quản lý đất đai cũng như trong cuộc sống;

- PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn về trắc địa, bản đồ, viễn thám, tin học ứng dụng vẽ bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin đất và đăng ký thống kê đất đai, phân loại đất và xây dựng bản đồ đất để thành lập các loại bản đồ chuyên đề, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lí và sử dụng đất đai;

- PLO4: Vận dụng linh hoạt các kiến thức về hệ thống văn bản pháp luật đất đai gồm Pháp luật đất đai, quản lý hành chính về đất đai, giao đất thu hồi đất, giám sát quản lý và sử dụng đất đai để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trong thực tế;

- PLO5: Phân tích được các kiến thức về thổ nhưỡng, đánh giá đất, thoái hóa và phục hồi đất đai để đề xuất sử dụng đất đai một cách hiệu quả nhất;

- PLO6: Phân tích được các kiến thức về hệ thống tài chính đất đai như định giá đất, thuế nhà đất, thị trường bất động sản, kinh tế đất để định giá, tính thuế các loại đất và tài sản trên đất; tư vấn các giao dịch bất động sản, quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.

- PLO7: Tổng hợp được các kiến thức về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng, lập và quản lý dự án phát triển nông thôn, nông lâm kết hợp, hệ

thống nông nghiệp để dự báo được nhu cầu sử dụng đất, từ đó xây dựng được kế hoạch sử dụng đất và đề xuất được các phương án quy hoạch sử dụng đất trong tương lai.

2.2.2. Kỹ năng

- PLO8: Sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong công việc, tìm kiếm tài liệu, dịch thuật và có khả năng giao tiếp cơ bản, đạt trình độ Tiếng Anh bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- PLO9: Khai thác, sử dụng thành thạo các ứng dụng của công nghệ thông tin, công nghệ số và các phần mềm tin học chuyên ngành Quản lý đất đai trong nghiên cứu và công tác;

- PLO10: Trích đo thửa đất, đo vẽ được một khu vực xác định, đọc và sử dụng được các loại bản đồ chuyên ngành quản lý đất đai;

- PLO11: Xử lý được các vi phạm hành chính về đất đai; tư vấn, tham gia giải quyết các tranh chấp về đất đai; Thực hiện được các thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thực hiện tốt công tác thống kê, kiểm kê đất đai hàng năm và định kỳ;

- PLO12: Xác định được giá đất, giá cho thuê, tính được thuế đất, cập nhật được thông tin về thị trường đất đai phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng;

- PLO13: Dự báo được nhu cầu sử dụng đất của địa phương, lập được các dự án phát triển nông thôn, đề xuất được các phương án quy hoạch các loại đất, điểm dân cư phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội;

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Có ý thức trách nhiệm công dân, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Giải quyết được các hoạt động chuyên môn và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tập thể về các quyết định của cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức chuyên môn để giúp ích cho cộng đồng và xã hội; Có năng lực giám sát những người cùng nhiệm vụ thực hiện công việc được giao. Phân tích, đánh giá và đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, tháo luận	Thực hành	Tự học			
A	**KHỐI KIẾN THỨC GDĐC**		**45**							
I	**Lý luận chính trị**		**13**							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác-LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-LN	2	21	18		90	1	2	LL Mác-LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	3	LL Mác-LN
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	4	LSĐ-TTHCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	4	LSĐ-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Luật
II	**Khoa học xã hội – nhân văn**		**9**							

7	197086	Quyền con người và bình đẳng giới	2	18	24		90		3	Luật
8	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	24		90		1	VNH- DL
9	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	36		135		6	QTKD
10	*Chọn 1 trong 2 học phần*		2							
a	181095	Tâm lý học lao động	2	18	24		90		2	Tâm lý học
b	163075	Khoa học bảo hộ lao động trong nông nghiệp	2	15	20	10	90		2	KH cây trồng
III	**Khoahọc Tự nhiên - Công nghệ**		**13**							
11	172555	Công nghệ số	3	20		50	135		1	MMT - UD
12	161127	Phương pháp NCKH	2	15	10	20	90		3	KH Đất và MT
13	161126	Nông nghiệp đại cương	4	36	24	24	180		1	LN & PTNT
14	162036	Đại cương về biến đổi khí hậu	2	20	15	5	90		2	KH Đất và MT
15	*Chọn 1 trong 2 học phần*		2							
a	165175	Sinh thái môi trường	2	15	20	10	90		2	KH Đất và MT
b	162093	Khoa học môi trường	2	15	20	10	90		2	KH Đất và MT
IV	**Ngoại ngữ**		**10**							
16	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
17	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	17	2	NN KC
18	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	18	3	NN KC
V		**Giáo dục thể chất**	**4**							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1	Bóng-ĐK
	Giáo dục thể chất 2*(chọn 1/5 HP)*								2	
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90			Bóng-ĐK
b	191033	Bóng đá	2			30	90			
c	191034	Bóng rổ	2			30	90			
d	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90			
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90			
VI	**Giáo dục quốc phòng (tiết)**		**165**							TT GDQP
B	**KHỐI KIẾN THỨC GDCN**		**87**							
I	**Kiến thức cơ sở**		**16**							
19	262101	Trắc địa	4	30	20	40	180		2	KH Đất và MT
20	162009	Thổ nhưỡng	3	20	20	30	135		2	KH Đất và MT
21	262046	Pháp luật đất đai	3	20	20	30	135		4	KH Đất và MT
22	162019	Đánh giá đất	3	20	20	30	135		3	KH Đất và MT
23	162075	Hệ thống thông tin địa lý	3	20	20	30	135		4	KH Đất và MT
II	**Kiến thức ngành**		**48**							
		Bắt buộc	**33**							
24	162021	Đăng ký thống kê đất đai	3	20	20	30	135	21	4	KH Đất và MT
25	162076	Quy hoạch sử dụng đất	4	30	20	40	180	21	5	KH Đất và MT
26	262066	Quản lý nhà nước về đất đai	3	20	20	30	135	21	5	KH Đất và MT
27	162013	Bản đồ địa chính	3	20	20	30	135		4	KH Đất và MT
28	162082	Ứng dụng CNTT trong QLĐĐ	3	20	20	30	135		5	KH Đất và MT
29	162180	Giao đất, thu hồi đất	3	20	20	30	135		7	KH Đất và MT

30	162186	Phân loại đất và xây dựng bản đồ đất	2	15	10	20	90		7	KH Đất và MT
31	162096	Tài chính đất đai và giá đất	3	20	20	30	135	21	5	KH Đất và MT
32	125265	Viễn thám	3	20	20	30	135		5	KH Đất và MT
33	162017	Hệ thống thông tin đất đai	3	20	20	30	135		6	KH Đất và MT
34	162078	Giám sát QL và sử dụng đất đai	3	20	20	30	135	21	6	KH Đất và MT
		Tự chọn	**15**							
35	*Chọn 1 trong 2 học phần*		3							
	162083	Thoái hóa và phục hồi đất	3	20	20	30	135		4	KH Đất và MT
	162063	Đất dốc và xói mòn	3	20	20	30	135		4	KH Đất và MT
36-37	*Chọn 2 trong 3 học phần*		6							
a	162129	Thuế nhà đất	3	20	20	30	135		6	KH Đất và MT
a	263181	Kinh tế đất	3	20	20	30	135		6	KH Đất và MT
c	162051	Thị trường bất động sản	3	20	20	30	135		6	KH Đất và MT
38	*Chọn 1 trong 2 học phần*		3							
a	262061	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư NT	3	20	20	30	135		7	KH Đất và MT
b	162079	Quy hoạch vùng	3	20	20	30	135		7	KH Đất và MT
39	*Chọn 1 trong 2 học phần*		3							
a	163062	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, XH	3	20	20	30	135		3	KH Đất và MT
b	162179	Quy hoạch PTNT	3	20	20	30	135		3	KH Đất và MT
III	**Kiến thức bổ trợ**		**6**							
40	*Chọn 1 trong 2 học phần*		3							
a	163317	Lập và quản lý dự án PTNT	3	20	30	20	135		7	LN và PTNT
b	163568	Phát triển nông thôn	3	20	30	20	135		7	LN và PTNT
41	*Chọn 1 trong 2 học phần*		*3*							
a	163071	Hệ thống nông nghiệp	3	20	20	30	135		7	KH Cây trồng
b	161081	Nông lâm kết hợp	3	20	20	30	135		7	LN và PTNT
IV	**Thực tập nghề nghiệp**		**6**							
42	162087	Rèn nghề	3			90	135		6	KH Đất và MT
43	162033	Thực tập giáo trình	3			90	135	41	7	KH Đất và MT
V	**Thực tập TN/Đồ án tốt nghiệp**		**11**							
44	162068	Thực tập tốt nghiệp	5			150	225		8	KH Đất và MT
45	162066	Đồ án tốt nghiệp	6			180	270		8	KH Đất và MT
	Tổng		**132**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 1, số tín chỉ: 16 (bắt buộc: 16)								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	
2	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
3	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
4	161126	Nông nghiệp đại cương	4	x		36	24	24
5	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	x		18	18	6
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	x		3		28
Học kỳ: 2, số tín chỉ: 18 (bắt buộc: 14, tự chọn: 4)								
6	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x		21	18	
7	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
8	262101	Trắc địa	4	x		30	30	30
9	162009	Thổ nhưỡng	3	x		20	30	20
10	162036	Đại cương về biến đổi khí hậu	2	x		20	15	5
		Giáo dục thể chất 2	2	x				30
11	*Chọn 1 trong 2 học phần*		2					
a	181095	Tâm lý lao động	2		x	18	12	12
b	163075	Khoa học bảo hộ lao động trong nông nghiệp	2		x	18	24	
12	*Chọn 1 trong 2 học phần*		2					
a	163175	Sinh thái môi trường	2		x	15	20	10
b	162093	Khoa học môi trường	2		x	15	20	10
Học kỳ: 3, số tín chỉ: 17 (bắt buộc: 14, tự chọn: 3)								
13	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	
14	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12
15	197086	Quyền con người và bình đẳng giới	2	x		18	12	12
16	165127	Phương pháp NCKH	2	x		15	20	10
17	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
18	162019	Đánh giá đất	4	x		30	30	30
19	*Chọn 1 trong 2 học phần*		3					
a	163062	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, XH	3		x	20	30	20
b	162179	Quy hoạch PTNT	3		x	20	30	20
Học kỳ: 4, số tín chỉ: 19 (bắt buộc: 16, tự chọn: 3)								
20	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	x		21	18	
21	197035	Tư tưởng HCM	2	x		21	18	
22	162013	Bản đồ địa chính	3	x		20	30	20

23	162075	Hệ thống thông tin địa lý	3	x		20	30	20
24	162021	Đăng ký thống kê đất đai	3	x		20	30	20
25	262046	Pháp luật đất đai	3	x		20	30	20
26	*Chọn 1 trong 2 học phần*		3	x				
a	162083	Thoái hóa và phục hồi đất	3		x	20	30	20
b	162063	Đất dốc và xói mòn	3		x	20	30	20
Học kỳ: 5, số tín chỉ: 16 (bắt buộc: 16, tự chọn: 0)								
27	162076	Quy hoạch sử dụng đất	4	x		30	30	30
28	262066	Quản lý nhà nước về đất đai	3	x		20	30	20
29	162096	Tài chính đất đai và giá đất	3	x		20	30	20
30	162082	Ứng dụng CNTT trong QLĐĐ	3	x		30	30	30
31	125265	Viễn thám	3	x		20	30	20
Học kỳ: 6, số tín chỉ: 18 (bắt buộc: 12, tự chọn: 06)								
32	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
33	162017	Hệ thống thông tin đất đai	3	x		20	30	20
34	162078	Giám sát quản lý và SDĐ	3	x		20	30	20
35	162087	Rèn nghề	3	x				90
36-37	*Chọn 2 trong 3 học phần*		6					
a	162129	Thuế nhà đất	3		x	20	30	20
b	263181	Kinh tế đất	3		x	20	30	20
c	162051	Thị trường bất động sản	3		x	20	30	20
Học kỳ: 7, số tín chỉ 17 (bắt buộc: 8, tự chọn: 9)								
38	162180	Giao đất thu hồi đất	3	x		20	30	20
39	162186	Phân loại đất và xây dựng bản đồ đất	2	x		15	10	20
40	162033	Thực tập giáo trình	3	x				90
41	*Chọn 1 trong 2 học phần*		*3*					
a	163317	Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	3		x	20	30	20
b	163568	Phát triển nông thôn	3		x	20	30	20
42	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
a	262061	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư NT	3		x	20	30	20
b	162079	Quy hoạch vùng	3		x	20	30	20
43	*Chọn 1 trong 2 học phần*							
a	163071	Hệ thống nông nghiệp	3		x	20	30	20
b	161081	Nông lâm kết hợp	3		x	20	30	20
Học kỳ: 8 số tín chỉ 11 (bắt buộc: 5, tự chọn: 6)								
44	162068	Thực tập tốt nghiệp	5	x				150
45	162066	Đồ án tốt nghiệp	6	x				180

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	**0**
2	Phó giáo sư	0	0	**0**
3	Tiến sỹ	5	9	**14**
4	Thạc sỹ	1	7	**8**
5	Đại học	0	0	**0**

5.2. Phòng học:

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m2)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
1	**Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu**					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1.379	Tất cả các học phần	Năm học	
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	7	3.500	Tất cả các học phần	Năm học	
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	156	15.600	Tất cả các học phần	Năm học	
1.4	Số phòng học đa phương tiện			Tất cả các học phần	Năm học	
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, PGS, GV toàn thời gian	149	745	Tất cả các học phần	Năm học	
2	**Thư viện, trung tâm học liệu**	1	5.256	Tất cả các học phần	Năm học	
3	**Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, Thực hành, thực tập luyện tập**	46	4.600		Năm học	

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan:

TT	Tên học phần	Cơ quan/ Địa điểm
1	Rèn nghề	Tại trường và các địa phương trong tỉnh
2	Thực tập giáo trình	Tại trường và các địa phương trong tỉnh
3	Thực tập tốt nghiệp	Các địa phương trong và ngoài tỉnh
4	Đồ án tốt nghiệp	Các địa phương trong và ngoài tỉnh

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức căn bản về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát được hệ thống kiến thức triết học Mác - Lênin.
- CLO2: Xác lập được thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật và có kỹ năng làm việc nhóm.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.
- CLO4: Vận dụng được lý luận Triết học Mác - Lênin vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	1					
1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học.	1	1	0	0	0	12
1.2. Những điều kiện ra đời, phát triển của triết học Mác-Lênin.	1					

1.3. Đối tượng, chức năng và vai trò của triết học Mác – Lênin.						
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Quan niệm của triết học Mác-Lênin về vật chất. 2.2. Tính thống nhất vật chất của thế giới. 2.3. Nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức 2.4. Mối quan hệ giữa VC và YT. 2.5. Hai nguyên lý CB của phép biện chứng duy vật. 2.6. Các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV. 2.7. Các quy luật cơ bản của PBCDV. 2.8. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức DVBC 2.9. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức. 2.10. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. 1.11. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	1 1 1 3 3 1 1 1 1	11	0	0	0	48
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1.Sản xuất vật chất 3.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. 3.3. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. 3.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. 3.5. Giá trị khoa học và ý nghĩa cách mạng của lý luận hình thái KT-XH của TH Mác – Lênin.	1 1.5 1.5 1 1	14	0	0	0	75

3.6. Định nghĩa Giai cấp của Lênin. 3.7. Đấu tranh giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp. 3.8. Dân tộc và mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc – nhân loại. 3.9. Nhà nước 3.10. Cách mạng xã hội. 3.11. Mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 3.12. Triết học con người 3.13. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử	1 1 1 1 1 1 1 1					
Tổng	**32**	**26**	**0**	**0**	**0**	**135**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 *(đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)*	CLO1	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 *(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)*	CLO1 CLO2 CLO4	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 *(Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn)*	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 *(đánh giá khả năng tự nghiên cứu)*	CLO1 CLO2, CLO3, CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 *(đánh giá bài kiểm tra viết)*	CLO1 CLO2 CLO3	20%

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
			CLO4	
III. Thi kết thúc học phần (01)				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 *(đánh giá bài thi trắc nghiệm)*	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD…).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

Bộ Giáo dục & ĐT (2021). *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ Giáo dục & ĐT (2018). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONNOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận căn bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin.
- CO2: Trang bị cho người học kiến thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- CO3: Hình thành kỹ năng phân tích và khả năng nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Củng cố niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát được hệ thống kiến thức về kinh tế chính trị Mác - Lênin.
- CLO2: Giải thích được bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiên túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.1 Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Leenin. 1.2 Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin. 1.3 Chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	1,5 0,5					6 6
Chương II. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. 2.1 Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa. 2.2 Thị trường và nền kinh tế thị trường.	2 2	2 2				9 9 99
Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 3.1 lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư. 3.2 Tích lũy tư bản.	4 1 1	4 2 2				17 5 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.						
Chương IV. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.1. cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.2. Lý luận của Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường. 4.3 biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	1 2	1 1			0	4 4 6
Chương V. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. 5.1 Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 5.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 5.3 Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	1 1 1	2				1 4 4 5
Chương VI. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.1 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2 Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2 1	2				6 6 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng	**21**	**18**	**0**	**0**	**0**	**990**

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 *(đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)*	CLO1 CLO2	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 *(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)*	CLO1 CLO2, CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 *(đánh giá khả năng tự nghiên cứu)*	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 *(đánh giá bài kiểm tra)*	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Trắc nghiệm	Rubric 4 *(đánh giá bài thi)*	CLO1 CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

1. Bộ GD&ĐT (2021). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ GD&ĐT (2006). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 19606532
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1*:* Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận về Chủ nghĩa xã hội khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Trang bị cho người học quan điểm của Đảng ta về bản chất và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO3: Người học có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát được hệ thống kiến thức lý luận về Chủ nghĩa xã hội khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lênin
- CLO2: Hệ thống hóa được các quan điểm của Đảng ta về bản chất và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CLO3: Có niềm tin vững chắc vào sự thành công của công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học	1 2	0	0	0	0	9

1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học						
Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (4 Tiết) 2.1. Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 2.3. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam	1 1 1	3	0	0	0	18
Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (4 Tiết) 3.1.Chủ nghĩa xã hội 3.2..Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1,5 1.5 1	3	0	0	0	18
Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (3 Tiết) 4.1.Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt nam	1 1 1	4	0	0	0	18
Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.3 Tiết) 5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong	1 1 1	2	0	0	0	9

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hôi(3 Tiết) 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt nam	1 1 1	4	0	0	0	9
Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (3 Tiết) 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3. Xây dựng gia đình việt nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1 1 1	2	0	0	0	9
Tổng	**21**	**18**	**0**	**0**	**0**	**90**

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 *(đánh giá bài kiểm tra)*	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 *(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)*	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 *(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)*	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 *(đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ)*	CLO1 CLO2 CLO3	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008). *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*. NXB CTQG.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIET NAM.

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - LêNin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm những nội dung về quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học có kiến thức về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.
- CO2: Có kỹ năng vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống, biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- CO3: Có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát được quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng.

- CLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để phân tích các sự kiện lịch sử Đảng, từ đó khẳng định được vai trò to lớn của Đảng cộng sản Việt Nam trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

- CLO3: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

- CLO4: Xây dựng, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử ĐCSVN 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học Lịch sử ĐCSVN 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử ĐCSVN 4. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử ĐCSVN	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền. 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930) 1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1.Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng	6	6				25

chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.2. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)						
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay) 3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)	7	6				30
Tổng	**21**	**18**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 1 CLO 2	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: (**01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính hoặc làm Bài tập lớn	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật. http://thuvienso.hdu.edu.vn/doc/giao-trinh-lich-su-dang-cong-san-viet-nam-danh-cho-bac-dai-hoc-he-khong-chuyen-ly-luan-chinh-tri-820960.html

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007). *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3. NXB Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/HO CHI MINH'S IDEOLOGY.

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - LêNin

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam và sự vận động của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cuộc sống.

- CO2: Có kỹ năng phân tích, chứng minh những vấn đề trong thực tiễn theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, từ đó khẳng định vai trò to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống xã hội.

- CO3: Xây dựng và củng cố niềm tin, nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát một cách có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam và xác định được nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- CLO2: Vận dụng những kiến thức chuyên ngành trong phân tích, làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

- CLO3: Phân tích, đánh giá được các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh; từ đó phê phán, đấu tranh với những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Người học có lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng; có thái độ sống tích cực, chủ động trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phấn đấu trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. 1.2. Đối tượng nghiên cứu. 1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn học TTCHM .	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Cơ sở hình thành TTHCM 2.2. Các thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.1. Vấn đề độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	4	4				24

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng CNXH ở VN 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh *về* độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng VN giai đoạn hiện nay.						
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân 4.3.Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	2	2				12

5.3. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.						
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4.Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	**5**	**6**				**33**
Tổng cộng	**21**	**18**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 1 CLO 2	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: (**01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2 CLO 3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính hoặc làm Bài tập lớn	Rubric 6	CLO 1 CLO 2	50%

			CLO 3 CLO 4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

Bộ Giáo dục và đào tạo (2021).*Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

**** Tài liệu tham khảo:***

1. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15).

2. Đặng Xuân Kỳ (2003), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

6.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 12TL, 12TH)
- Mã học phần:197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật (Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động).
- CO2: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.
- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;
- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1. Nguồn gốc nhà nước. 1.2. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước. 1.3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.	2	1				10
Chương 2: Một số vấn đề chung về pháp luật 2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật 2.2. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật 2.3 Hình thức pháp luật 2.4. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn 2.5. Quan hệ pháp luật 2.6. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý. 2.7. Pháp chế XHCN	4	4				20
Chương 3: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính *3.1. Khái quát chung về luật hiến pháp* 3.2. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam 3.3. Khái quát chung về luật hành chính 3.4. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính 3.5. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính	2	4		2		10

3.6. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức						
Chương 4: Luật Phòng, Chống tham nhũng *4.1. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng* *4.2. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng* *4.3. Tác hại của tham nhũng* 4.4. Các biện pháp phòng chống tham nhũng	2			2		10
Chương 5: Luật Dân sự 51. Khái quát chung về luật dân sự 5.2. Nội dung cơ bản của luật dân sự	2	1		2		10
Chương 6: Luật Hôn nhân và gia đình 6.1. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình *6.2. Nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình*	2	1		2		10
Chương 7: Luật Hình sự *7.1. Khái quát chung về luật hình sự* *7.2. Tội phạm* 7.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp	2			2		10
Chương 8: Luật Lao động 8.1. Khái quát chung về luật lao động. 8.2. Những nội dung cơ bản của Luật Lao động	2	1		2		10
Tổng	**18**	**12**		**12**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Học liệu bắt buộc

Lê Văn Minh (chủ biên) (2016). *Pháp luật đại cương*. NXB Lao động

8.2 Học liệu tham khảo

1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015). *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*. NXB Công an nhân dân.
2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015). *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*. NXB Công an nhân dân.

II. KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN

6.7. QUYỀN CON NGƯỜI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI /HUMAN RIGHTS AND GENDER EQUALITY

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197086
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về quyền con người, bình đẳng giới; Pháp luật quốc tế về quyền con người; Quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Pháp luật Việt Nam về quyền con người và bình đẳng giới; Trách nhiệm của Nhà nước và các chủ thể khác trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện quyền con người và bình đẳng giới ở Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức chung về quyền con người, bình đẳng giới; Quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người; Quy định của pháp Việt Nam về bình đẳng giới;
- CO2: Có kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến quyền con người, bình đẳng giới trong thực tiễn;
- CO3: Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá quyền con người, bình đẳng giới ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những kiến thức chung về quyền con người, quy định của pháp luật quốc tế về quyền con người, quan điểm của Đảng và quy định của pháp luật Việt Nam về quyền con người;
- CLO2: Phân tích được quy định của pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới;
- CLO3: Vận dụng được pháp luật vào thực tiễn để giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền con người, bình đẳng giới trong đời sống xã hội và trong hoạt động nghề nghiệp;
- CLO4: Hình thành được ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá quyền con người, bình đẳng giới phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Một số vấn đề lý luận về quyền con người 1.1. Khái niệm quyền con người 1.2 Tính chất của quyền con người 1.3. Nguồn gốc của quyền con người 1.4. Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người	2	2				10
Chương 2. Pháp luật quốc tế về quyền con người 2.1. Khái quát pháp luật quốc tế về quyền con người 2.2. Quy định của pháp luật quốc tế	4	6				20

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
về quyền con người trong một số lĩnh vực 2.3. Pháp luật quốc tế về quyền con người của những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội						
Chương 3. Quan điểm của Đảng và quy định của pháp luật Việt Nam về quyền con người 3.1. Quan điểm của Đảng về quyền con người 3.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền con người 3.3. Sự phát triển của chế định quyền con người qua các bản Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.	6	8				30
Chương 4. Quy định của pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới 4.1 Một số khái niệm cơ bản về giới (giới, giới tính, bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới) 4.2. Quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội 4.3. Xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới	4	4				20
Chương 5. Trách nhiệm của Nhà nước và các chủ thể khác trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện quyền con người và bình đẳng giới ở Việt Nam 5.1. Trách nhiệm của nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện quyền con người, quyền công dân và bình đẳng giới ở Việt Nam 5.2. Trách nhiệm của chủ thể khác trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân và bình đẳng giới ở Việt Nam	2	4				10
Tổng	**18**	**24**				**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2015). *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.*
2 . *Luật Bình đẳng giới năm 2006.*

6.8. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam nói chung và kiến thức địa phương Thanh Hoá nói riêng. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam và Thanh Hoá hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học hiểu, biết về kiến thức địa phương Thanh Hoá nói chung và các giá trị văn hoá địa phương Thanh Hoá nói riêng.
- CO3: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống. Có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam và Thanh Hoá, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những hiểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội của Việt Nam nói chung và Thanh Hóa nói riêng. Từ đó đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển văn hóa và con người trong thời kỳ mới.
- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Văn hóa – những khái niệm cơ bản 1.1. Văn hoá học 1.2. Văn hoá 1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá 1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá 1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.	2	2	0	0	0	5

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng						
Chương 2: Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá 2.1. Cấu trúc 2.1.1. Các quan niệm về cấu trúc văn hoá 2.1.2. Một số cách tiếp cận cấu trúc của văn hoá 2.3.3. Văn hoá từ cái nhìn cấu trúc loại hình 2.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá 2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội 2.2.2. Tính giá trị và chức năng điều tiết xã hội 2.2.3. Tính lịch sử gắn với chức năng giáo dục	2	2	0	0	0	5
Chương 3: Định vị văn hoá Việt Nam 3.1. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam 3.2. Không gian văn hoá Việt Nam 3.3. Thời gian văn hóa	1	2	0	0	0	5
Chương 4: Tiến trình văn hoá Việt Nam 4.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử 4.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử 4.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc 4.4. Thời kỳ phong kiến tự chủ 4.5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc 4.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến nay	2	2	0	0	0	10

Chương 5: Các vùng văn hoá Việt Nam và văn hoá xứ Thanh 5.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá 5.2. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam 5.3. Khái quát về văn hoá của tỉnh Thanh Hoá	6	3	0	0	0	15
Chương 6: Văn hoá nhận thức 6.1. Văn hóa Việt Nam với Đông Nam Á 6.2. Triết lí âm dương 6.3. Tam tài 6.4. Ngũ hành 6.5. Lịch âm dương và hệ đếm can chi	1	2	0	0	0	10
Chương 7: Văn hoá tổ chức đời sống 7.1. Tổ chức nông thôn 7.2. Tổ chức đô thị 7.3. Tổ chức quốc gia	0	2	0	0	0	5
Chương 8: Văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục truyền thống Việt Nam 8.1. Tín ngưỡng 8.2. Tôn giáo 8.3. Phong tục truyền thống	1	3	0	0	0	10
Chương 9: Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại 9.1. Văn hoá ẩm thực 9.2. Văn hoá mặc 9.3. Văn hoá ở và đi lại	1	2	0	0	0	10
Chương 10: Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật 10.1. Văn hóa giao tiếp 10.2. Văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Chương 11: Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa 11.1. Các biểu tượng văn hóa Việt Nam 11.2. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển	1	2	0	0	0	5

11.3. Vấn đề nguồn lực con người						
Tổng	**18**	**24**	**0**	**0**	**0**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
3	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**** Giáo trình chính:***

Trần Ngọc Thêm (1998). *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo dục.

**** Tài liệu tham khảo:***

1. Trần Quốc Vượng (2003). *Cơ sở văn hoá Việt Nam.* NXB Giáo dục.

2. Đào Duy Anh (2021). *Việt Nam văn hóa sử cương.* NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

6.9. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/BUSINESS STARTUP AND INNOVATION

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể hiểu, vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; phát triển năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST, vận hành dự án, từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.
- CO3: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não … vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- CLO3: Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.
- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.
- CLO 5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu và hoàn thiện năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân; có tác phong khoa học, chuyên nghiệp, tự tin và lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			
	Giờ lên lớp (tiết)			Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25

Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	**27**	**36**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Đánh giá giữa kỳ (20%)				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
Thi cuối kì (50%)				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định *(sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)*	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017). *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ.* NXB Phụ nữ.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Eric Ries (2018). *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phượng (dich). NXB Thời đại.

2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018). *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*. NXB Đại học kinh tế quốc dân.

6.10. Chọn 1 trong 2 học phần

a. TÂM LÝ HỌC LAO ĐỘNG/ LABOUR PSYCHOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (18; 24; 0)
- Mã học phần: 181095
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Những vấn đề chung của tâm lý học lao động; Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động; Tuyển chọn và đào tạo nghề; Sự thích ứng của con người trong hệ thống người-máy-môi trường.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học phân tích được: Đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu TLHLĐ, một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa hoc lao động; các vấn đề tuyển chọn, đào tạo nghề, công tác hướng nghiệp; sự thích ứng của con người trong hệ thống người, máy và môi trường, tiêu chuẩn đánh giá, một số số liệu nhân trắc về bố trí nơi làm việc, các vấn đề về an toàn lao động.

CO2: Người học phân tích, khái quát, đánh giá được tâm lý con người trong lao động; Vận dụng kiến thức tâm lý học lao động vào việc nghiên cứu tâm lý con người ở các ngành nghề, lĩnh vực lao động khác nhau; Tổ chức hoạt động lao động của tập thể và của bản thân một cách khoa học.

CO3: Người học nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức tâm lý học lao động trong hoạt động nghề nghiệp; Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học lao động.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học phân tích được khái niệm, bản chất lao động, đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học lao động;

CLO2: Phân tích, lý giải một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động; Vấn đề tuyển chọn, đào tạo nghề; Sự thích ứng của con người trong hệ thống người, máy, môi trường,....

CLO3: Vận dụng kiến thức tâm lý học lao động vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người trong lao động; trong giao tiếp ứng xử và hoạt động nghề nghiệp; Làm bài tập theo yêu.cầu của giáo viên.

CLO4: Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức môn học trong cuộc sống, trong hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức hiệu quả.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái niệm chung về lao động	2					6
Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học lao động.	2					6
Mối quan hệ của tâm lý học lao động với các khoa học khác.		2		2		6
Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động	2	2				9
Khả năng lao động	2	2				9
Môi trường lao động.	2	2				9
Vấn đề an toàn lao động.	2	2				9
Tuyển chọn và đào tạo nghề	2	2				9
Hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp.		2				3
Hệ thống người máy môi trường	2	2				9
Tiêu chuẩn đánh giá người điều khiển.	2					6
Các số liệu nhân trắc; vùng làm việc		4				6
Kích thước của thiết bị công nghiệp; Kích thước của không gian lao động		2				3
Tổng	**18**	**22**		2		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp dạy học sau: Phương pháp thuyết trình; Thảo luận nhóm; cemina;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	10%	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III	**Thi cuối kì (01)**				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao;
Làm bài kiểm tra định kỳ;
Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc:

1). Lê Thị Dung (2009), *Tâm lý học lao động,* NXB lao động - Xã hội.

Tài liệu tham khảo:

1). Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân (2007), *Tâm lý học lao động*, NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.

2). Đào Thị Oanh (2003), *Tâm lý học lao động,* NXB ĐHQG Hà Nội.

b. KHOA HỌC BẢO HỘ LAO ĐỘNG TRONG NÔNG NGHIỆP/SCIENCE OF LABOUR PROTECTION IN AGRICULTURE

- Số tín chỉ: 02 (15; 20; 10)
- Mã học phần: 163075
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học Cây trồng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Ý nghĩa, tính chất của công tác bảo hộ lao động; hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến công tác bảo hộ lao động; kỹ thuật an toàn lao động; kỹ thuật vệ sinh lao động; tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp; các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn vệ sinh lao động trong nông nghiệp; các biện pháp sơ cấp cứu tai nạn lao động trong nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Vận dụng được các kiến thức về pháp luật bảo hộ lao động trong thực tế để bảo vệ người lao động.

CO2: Nhận diện và phân tích được các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Từ đó đề xuất được các biện pháp để giảm thiểu tối đa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

CO3: Thể hiện trách nhiệm công dân trong công tác bảo hộ lao động, có thái độ đúng đắn, đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp trong lao động, hình thành thói quen học tập, nghiên cứu suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Giải thích được các vấn đề liên quan đến hệ thống chính sách pháp luật về bảo hộ lao động.

CLO2: Trình bày được các kiến thức về an toàn và vệ sinh lao động

CLO3: Đề xuất được biện pháp loại trừ các nguy cơ gây mất an toàn vệ sinh lao động trong nông nghiệp.

CLO4: Thực hiện được kỹ thuật sơ cấp cứu tai nạn lao động trong nông nghiệp

CLO5: Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc độc lập, trung thực, chính xác, trách nhiệm, có thái độ học hỏi, có khả năng tìm kiếm, tổng hợp tài liệu liên quan đến môn học. CLO6: Thể hiện trách nhiệm công dân trong công tác bảo hộ lao động, có thái độ đúng đắn, đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp trong lao động.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**				**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)		**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**TL, BT**			
Chương 1. Những vấn đề chung về khoa học bảo hộ lao động	1	2			10
Chương 2. Hệ thống chính sách pháp luật về bảo hộ lao động	1	4			15
Chương 3. Kỹ thuật an toàn lao động	2	3	3		15
Chương 4. Kỹ thuật vệ sinh lao động	2	2	3		
Chương 5. Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong nông nghiệp	3	3			15
Chương 6. Biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp	3	3			20
Chương 7. Biện pháp sơ cấp cứu tai nạn lao động trong nông nghiệp	3	3	4		15
Tổng số	**15**	**20**	**10**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, thực hành, bài tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03 bài)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric 1	CLO1-6	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric 2	CLO 1-6	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc 3	CLO 3,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
1	Viết	Rubric 4	CLO1,2,3	20%
III	**Thi cuối kì**			
1	Viết	Rubric 5	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập và tham gia đầy đủ số tiết thực hành môn học.

Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, bài thu hoạch thực hành theo yêu cầu của giáo viên.

Sinh viên cần dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và dự thi kết thúc học phần khi có đủ điều kiện dự thi.

Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thế Đạt (2017), *Giáo trình an toàn lao động*, NXB Giáo dục Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1). Chu Thị Thơm (2006), *An toàn điện trong nông nghiệp*, NXB Lao động Hà Nội.

2). *Luật an toàn, vệ sinh lao động* (2018), NXB Chính trị Quốc Gia sự thật

III. KHOA HỌC TƯ NHIÊN – CÔNG NGHỆ

6.11. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Sinh viên sẽ học cách sử dụng thiết bị và phần mềm số một cách đạo đức và văn hóa, củng cố và nâng cao năng lực công nghệ thông tin đã có, và phát triển tư duy giải quyết vấn đề cùng khả năng giao nhiệm vụ cho máy tính. Sinh viên cũng sẽ được trang bị kiến thức về hệ thống máy tính, ứng dụng tin học để tạo sản phẩm số và nâng cao hiệu quả công việc, đồng thời hòa nhập và thích ứng với sự phát

triển của xã hội số, ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, tự học và nghề nghiệp tương lai.

2. Mục tiêu học phần

CO1. Cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của công nghệ trong cuộc sống và công việc.

CO2. Trang bị kỹ năng sử dụng thiết bị và phần mềm số một cách hiệu quả, đạo đức và văn hóa.

CO3. Phát triển tư duy giải quyết vấn đề, khả năng giao nhiệm vụ cho máy tính, và ứng dụng công nghệ trong học tập, tự học, và nghề nghiệp tương lai.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Mô tả được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, hệ thống máy tính và vai trò của chuyển đổi số trong xã hội và công việc.

CLO2: Sử dụng thành thạo các phần mềm và thiết bị số cơ bản để tạo ra sản phẩm số đáp ứng nhu cầu học tập và công việc.

CLO3: Vận dụng tư duy logic để giải quyết các vấn đề và giao nhiệm vụ cho máy tính thông qua ứng dụng công nghệ.

CLO4: Thể hiện trách nhiệm, đạo đức và văn hóa khi sử dụng công nghệ thông tin, tôn trọng quyền riêng tư và bảo mật thông tin.

CLO5: Tự điều chỉnh và nâng cao năng lực công nghệ thông tin để thích nghi với sự phát triển không ngừng của xã hội số, ứng dụng hiệu quả trong học tập và nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10

Chương 3: Chuyển đổi số 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	**Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số** - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%

	- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	**Kỹ thuật trình chiếu** - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	**Thực hành bảng tính** - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	**Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,…)** - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	**Thi cuối kỳ**			
	- Hình thức: + *Phần lý thuyết:* thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + *Phần thực hành*: thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
  + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
  + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Nguyễn Thế Cường – PGS.TS. Phạm Thế Anh (đồng chủ biên), ThS. Trịnh Thị Phú – ThS. Lê Việt Nam – ThS. Nguyễn Thị Bích Nhật (2024), *Giáo trình Công nghệ số*, NXB Thanh Hóa.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản,* NXB Khoa học và Kỹ thuật.

3. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

6.12. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/SCIENTIFIC RESEARCH METHODS

- Số tín chỉ: 02 (15; 10; 20)
- Mã học phần: 161127
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học Cây trồng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Các nội dung cơ bản về khoa học và các nguồn kiến thức; giả thuyết khoa học; Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học; trình tự và các bước trong nghiên cứu khoa học; Viết đề cương, báo cáo khoa học và trình bày báo cáo khoa học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có khả năng hiểu và trình bày đầy đủ các khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, khái niệm về giả thuyết khoa học, ý tưởng khoa học. Trình bày được các đặc điểm, tiêu chí của giả thuyết khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học.

- CO2: Có năng lực phát hiện ra vấn đề cần nghiên cứu của một tình huống cụ thể, vận dụng được các kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong việc đề xuất và triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

- CO3: Có khả năng lựa chọn loại hình và phương pháp nghiên cứu phù hợp để thu được các dữ liệu, giải quyết được các mục tiêu đề ra. Có khả năng viết được đề cương, báo cáo nghiên cứu khoa học và có kỹ năng trình bày báo cáo khoa học. Có thái độ làm việc nghiêm túc, tác phong khoa học. Nhận thức đúng đắn vai trò của việc nghiên cứu khoa học trong sự phát triển của ngành nông nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Giải thích được các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học; các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học;
- CLO2: Xác định được vấn đề nghiên cứu; xây dựng được đề cương và kế hoạch nghiên cứu;
- CLO3: Có kỹ năng triển khai nghiên cứu, thu thập, xử lý số liệu nghiên và làm việc nhóm
- CLO4: Viết và thuyết trình được báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.
- CLO5: Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc, tác phong khoa học. Nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1. Đại cương về nghiên cứu khoa học	3	1			8
Chương 2. Đề tài nghiên cứu khoa học	4	2	5		22
Chương 3. Phương pháp thu thập thông tin	4	3	5		24
Chương 4. Phương pháp xử lý thông tin	2	2	5		18
Chương 5. Trình bày báo cáo khoa học	2	2	5		18
Tổng số	**15**	**10**	**20**	**0**	**90**

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, phát vấn, bài tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO 5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 - 5	
3	Bài tập	Rubric 4	CLO 2-4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 5	CLO1-4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 5	CLO1- 5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải lên lớp nghe giảng ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết, thảo luận, xeminar, làm việc nhóm, thực hành; có đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ ; tự học những phần đã được yêu cầu; đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1). Nguyễn Bảo Vệ (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học Cần Thơ.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1). GS- TSKH Lê Huy Bá (2006), *Phương pháp nghiên cứu khoa học,* Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

6.13. NÔNG NGHIỆP ĐẠI CƯƠNG/GENERAL AGRICULTURE

Số tín chỉ: 4 (36; 24; 24)

- Mã học phần: 161126
- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt bao gồm hệ thống cây trồng, luân canh tăng vụ, trồng xen, làm đất, phòng trừ dịch hại cây trồng. Sinh trưởng, phát triển, tái sinh và diễn thế rừng, kỹ thuật lâm sinh; công tác giống, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; Dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi một số loài thủy sản.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt; kỹ thuật lâm sinh; công tác giống, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; Dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi một số loài thủy sản.
- CO2: Vận dụng các kiến thức đã học để tiếp cận các kỹ thuật canh tác trong trồng trọt; các giải pháp kỹ thuật lâm sinh trong kinh doanh rừng; các kỹ thuật sản xuất giống, xác định nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn, chăm sóc vật nuôi; kỹ thuật sản xuất giống, xác định nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật nuôi một số loài thủy sản.
- CO3: Rèn luyện cho người học thái độ học tập và làm việc nghiêm túc. Nhận thức được vai trò cũng như những thuận lợi, khó khăn của sản xuất nông, lâm ngư nghiệp từ đó có thái độ học hỏi và tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần người học đạt các chuẩn đầu ra sau:

- CLO1: Trình bày được những kiến thức tổng quan về trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cũng như các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt, kỹ thuật lâm sinh, công tác giống, dinh dưỡng và thức ăn, công tác nuôi một số vật nuôi và một số loài thủy sản.
- CLO2: Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt bao gồm xác

định được hệ thống cây trồng hợp lý; kỹ thuật luân canh tăng vụ, trồng xen, làm đất và phòng trừ dịch hại cây trồng.

- CLO3: Vận dụng được các giải pháp các biện kỹ thuật lâm sinh trong kinh doanh rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng.
- CLO4: Xác định được nhu cầu dinh dưỡng và thức, chăm sóc vật nuôi và nuôi trồng một số loài thủy sản.
- CLO5: Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Tự tin với kiến thức chuyên môn, tiếp cận và chuyển giao được những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL;BT	Khác			
Chương 1: Trồng trọt đại cương	9	6		6		45
Chương2: Lâm nghiệp đại cương	9	6		6		45
Chương 3: Chăn nuôi đại cương	9	6		6		45
Chương 4: Nuôi trồng thủy sản đại cương	9	6		6		45
Tổng	**36**	**24**		**24**		**180**

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành. **6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric 1	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân (1 bài)	Rubric 2	CLO1	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm (2 bài)	Rubric 3	CL2,3	
4	Thực hành (1 bài)	Rubric 4	CLO2-4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 1,2	20%
Thi cuối kì				
	Tự luận	Rubric 6	CLO 1-4	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập

đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

1). Đặng Văn Minh (2006), *Giáo trình trồng trọt đại cương,* NXB Nông nghiệp.

2). Phạm Xuân Hoàn, Hoàng Kim Ngũ (2003), *Lâm học,* NXB Nông nghiệp.

3). Nguyễn Xuân Trạch (chủ biên) và CS (2020), *Giáo trình nhập môn chăn nuôi,* NXB Học viện nông nghiệp.

4). Kim Văn Vạn (2009), *Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương,* NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1). Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan (2005), *Sinh thái rừng*, NXB Nông nghiệp.

6.14. ĐẠI CƯƠNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU/CLIMATE CHANGE

- Số tín chỉ: 02 (20; 15; 05)
- Mã học phần: 162036
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các nội dung: Kiến thức cơ bản về khí hậu và biến đổi khí hậu; Biểu hiện và nguyên nhân của biến đổi khí hậu; Các tác động của biến đổi khí hậu lên từng lĩnh vực, ngành nghề trên thế giới và Việt Nam. Các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; Các cam kết quốc tế và chính sách quốc gia trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức về khí hậu và biến đổi khí hậu, các yếu tố ảnh hưởng đến khí hậu, nguyên nhân, biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu trên thế giới và tại Việt Nam;

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng được kiến thức về các tác động của biến đổi khí hậu, từ đó đề xuất được biện pháp giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu trong từng lĩnh vực ngành nghề, từng khu vực.

- CO3: Nhận thức được tầm quan trọng của biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đối với cuộc sống, công việc của cá nhân và cộng đồng, từ đó tích cực trong tư duy và chủ động trong hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu; các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

- CLO2: Giải thích được mối quan hệ và tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trong sản xuất và đời sống xã hội trên thế giới và Việt Nam.

- CLO3: Đề xuất được biện pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu theo ngành nghề khác nhau.

- CLO4: Tham gia các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; có ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu	**5**	**3**				**30**
Chương 2: Tác động của biến đổi khí hậu	**7**	**5**		**2**		**30**
Chương 3: Ứng phó với biến đổi khí hậu	**8**	**7**		**3**		**30**
*** Phần thực hành (5 tiết)** - Mô phỏng hiện tượng hiệu ứng nhà kính - Hiệu quả của tấm pin năng lượng mặt trời.						
Tổng	**20**	**15**		**5**		**135**

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình; Thảo luận; Hoạt động nhóm; Tham quan.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO4	30%
2	Thuyết trình/thảo luận	Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm, Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
3	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Trắc nghiệm/ Viết	Rubric/Thang điểm đánh giá trắc nghiệm. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Trắc nghiệm/Viết	Rubric/Thang điểm đánh giá trắc nghiệm. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình chính

1). Phan Đình Tuấn (2017), *Giáo trình Biến đổi khí hậu*. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1). Bộ tài nguyên và môi trường (2021), *Kịch bản biến đổi khí hậu*, NXB Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam.

2). Luật Bảo vệ môi trường (2020), Nhà xuất bản Lao động.

6.15. Chọn 1 trong 2 học phần

a. SINH THÁI MÔI TRƯỜNG/ENVIRONMENTAL ECOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (15; 20: 10)
- Mã học phần:165175
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học Đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các nội dung: kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: quần thể, quần xã và hệ sinh thái; kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, các yếu tố sinh thái và mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới.

- CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về tài nguyên, hiện trạng và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên trên thế giới, ở Việt Nam; các vấn đề chính của ô nhiễm môi trường, nguyên tắc của phát triển bền vững, các nội dung của các công ước về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam.

- CO3: Người học có thể nhận diện, phân biệt một số hệ sinh thái trên cạn cũng như đánh giá được sự đa dạng sinh học của chúng; hình thành và đề xuất ý tưởng về các giải pháp cho các vấn đề về bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên tại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Giải thích được khái niệm cơ bản của sinh thái học, các quy luật sinh thái học, các yếu tố sinh thái và mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới; khái niệm tài nguyên, hiện trạng của tài nguyên thiên nhiên trên thế giới, ở Việt Nam, cũng như các vấn đề về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trên thế giới và tại Việt Nam.

- CLO2: Phân biệt một số hệ sinh thái trên cạn cũng như đánh giá được sự đa dạng sinh học của chúng, từ đó vận dụng các kiến thức cơ bản về sinh thái học để giải thích các vấn đề về liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

- CLO3: Phân tích được các vấn đề chính của ô nhiễm môi trường, nguyên tắc của phát triển bền vững, các nội dung của các công ước về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam.

- CLO4: Đề xuất các ý tưởng về giải pháp cho các vấn đề về bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên tại Việt Nam.

- CLO5: Chủ động, tích cực và linh hoạt trong học tập và nghiên cứu khoa học; Thể hiện được năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học học phần**					**Tổng**
	Lí thuyết	Thảo luận, làm việc nhóm	Thực hành	Tự học	KT-ĐG	
1. Mở đầu	0.5	0	-	1	-	**2**
2. Các quy luật sinh thái cơ bản	1.5	1	-	6	-	**9**
3. Vai trò của các nhân tố sinh thái vô sinh và sự thích nghi	1.5	2	-	9	-	**13**
4. Các yếu tố sinh thái hữu sinh và giới hạn phản ứng của sinh vật	1.5	2	-	9	-	**13**
5. Sinh thái học Quần thể	1	1	-	5	-	**7**
6. Sinh thái học Quần xã	1.5	1	-	6	-	**9**
7. Sinh thái học Hệ sinh thái	1.5	2	-	9	1	**13**
8. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng	0.5	1		4		**5**
9. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất	1.5	1		6		**9**
10. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước	0.5			1		**2**
11. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khác	1	2		8		**11**
12. Tài nguyên quốc gia và quản lý nhà nước về tài nguyên	0	1		3		**4**
13. Các vấn đề môi trường toàn cầu	0.5	1	-	4	-	**5**

14. Các vấn đề môi trường tại Việt Nam	1	2	-	8	-	**11**
15. Phát triển bền vững và Các công ước quốc tế về môi trường có sự tham gia của Việt Nam	1	2	-	8	-	**11**
Đi thực tế	-		10		-	**10**
Tổng	**15**	**19**	**10**	**90**	**1**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm. Đi thực tế.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO6	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ học phần	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1, CLO2	20%
III	**Thi cuối kì**			
5	Trắc nghiệm	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Mai Sỹ Tuấn và CS, (2023). *Giáo trình Sinh thái học và Môi trường.* NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

2). Lê Văn Thăng, (2008), *Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương, NXB. Giáo dục và đào tạo.*

3). *Luật Bảo vệ môi trường*, (2020).

b. KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG/ENVIRONMENTAL SCIENCE

- Số tín chỉ: 02 (15; 10; 20)
- Mã học phần: 162093
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Khái niệm khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học vận dụng vào khoa học môi trường; Các kiến thức cơ bản của khoa học môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường, tài nguyên, dân số, lương thực, năng lượng và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phân tích được những khái niệm liên quan đến khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường; Phân tích được các loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể. Đánh giá được hiện trạng và xác định được vấn đề đối với loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể.

- CO2: Phân tích được vấn đề về ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường; Xác định và phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững

- CO3:Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của ngành khoa học môi trường; Tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1:Phân tích được những khái niệm liên quan đến khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường

- CLO2: Phân tích được các loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể. Đánh giá được hiện trạng và xác định được vấn đề đối với loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể

- CLO3: Phân tích được vấn đề về ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường; Xác định và phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.

- CLO4: Đánh giá được các vấn đề ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường tại một khu vực; Xác định được nguồn tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực

- CLO5: Tham gia trong các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; Thể hiện được năng lực làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Các vấn đề chung về khoa học môi trường	2	1	-	-	-	15
Chương 2: Các thành phần cơ bản của môi trường	3	1	-	5	-	15
Chương 3: Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường	2	2	-	5	-	15
Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên	3	2	-		-	15
Chương 5: Ô nhiễm môi trường	3	2	-	6	-	15
Chương 6: Quản lý môi trường và các vấn đề phát triển và môi trường, phát triển bền vững	2	2	-	4	-	15
Tổng	**15**	**10**		**20**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học bao gồm: Thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm và cac kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (03)**			
1	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3.	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO 4, CLO 5	
3	Thảo luận	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 4, CLO 5	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 4, CLO 5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			

	Trắc nghiệm	Thang điểm đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3	20%
III	**Thi cuối kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Lê Văn Khoa (2008), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục

Tài liệu tham khảo:

2). Lưu Đức Hải (2000), *Cơ sở khoa học môi trường*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

IV. NGOẠI NGỮ

6.16. TIẾNG ANH 1/ENGLISH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các kiến thức về ngữ âm phát âm tiếng Anh, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh được luyện theo các chủ đề trình độ A2.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có vốn từ vựng, cấu trúc câu và kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2.
- CO2: Có thể phát âm từ, cụm từ, câu; sử dụng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nằm trong phạm vi quy định của trình độ A2. Có thể nghe hiểu và hoàn thành các bài tập Nghe hiểu, giao tiếp, trình bày bài Nói; Đọc hiểu và hoàn thành các bài tập Đọc hiểu; Viết và hoàn thành các bài tập Viết ở trình độ A2.
- CO3: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 2/6 theo KNLNNVN; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2.
- CLO2: Có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2.
- CLO3: Sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu, đọc hiểu và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2, viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử; sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs 1.3. Verb "to be", Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C	10	3	3	4	2	52
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective	11	3	3	5	1	52

- Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C 2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)						
Nội dung 3: 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with "be going to", Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Wring, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Bộ giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson*.,2012., English File–Elementary 3rd edition.* Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A.* Nhà xuất bản Thanh Hoá.

Bộ tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành.* NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press

6.17. TIẾNG ANH 2/ENGLISH 2

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các kiến thức về ngữ âm phát âm tiếng Anh, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh được luyện theo các chủ đề trình độ B1 mức 1,2 .

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức về ngữ âm, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trình độ B1 mức 1,2 .

- CO2: Người học có thể đạt được yêu cầu về kiến thức đối với kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 mức 1,2

- CO3: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng thái độ để đáp ứng năng lực trình độ B1 mức 1,2; có khả năng sáng tạo trong quá trình học tập, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 mức 1,2.

- CLO2: Có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ B1 mức 1,2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 mức 1,2.

- CLO3: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc B1 mức 1,2; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive	7	2	2	3	1	33

1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to…) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses						
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C 3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C						

4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to "Spotlight English News" and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Bộ giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson*, 2013. English File–Preintermediate 3rd edition.* Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

Bộ giáo trình tham khảo

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

6.18. TIẾNG ANH 1/ENGLISH 3

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung về ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ B1 mức 3.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức về ngữ âm, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trình độ B1 mức 3
- CO2: Người học có thể đạt được yêu cầu về kiến thức đối với kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 mức 3.
-CO3: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng thái độ để đáp ứng năng lực trình độ B1 mức 3, có khả năng sáng tạo trong quá trình học tập, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 mức 3.
- CLO2: Có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ B1, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 mức 3.
- CLO3: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction						

- Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with "to" 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective descring people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.	7	2	2	3	1	44
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if… 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1) & Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1) & Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2) Topic: News around the world	6	2	3	2	2	25

4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test						

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên: 05**			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ: 01**			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	**Thi cuối kì**			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Bộ giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson*, 2011. English File–Pre-intermediate 3rd edition.* Oxford University Press.

2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET.* Richmond Publishing.

Học liệu tham khảo

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press

2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1/PHYSICAL EDUCATION 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện. Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu; Vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO3: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vặn mình				2		6
Nội dung 3: Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân				2		6
Nội dung 4: Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy				2		6
Nội dung 5: Ôn tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 6: Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 7: - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ chuyên môn.				2		6

- Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)						
Nội dung 8: Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).				2		6
Nội dung 9: Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.				2		6
Nội dung 10: Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.				2		6
Nội dung 11: Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp trân chính diện				2		6
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng	2			28		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 2)	CLO.2.3	
3	Thực hành	Kỹ thuật tâng cầu (Rubric 3)	CLO4.5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 4)	CLO3.4.5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tâng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 5)	CLO2.3.4.5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*, NXB TDTT, Hà Nội

2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TDTT, Hà Nội.

3). Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐHSP.

Tài liệu tham khảo:

1). Ủy Ban TDTT (2003), *Luật Đá cầu*, NXB TDTT.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)

a. BÓNG CHUYỀN

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền. SV hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển				2		6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..				2		6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt.				2		6

- Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).						
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 5. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay				2		6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.				2		6
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu KT đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.				2		6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu KT chắn bóng cá nhân.				2		6

Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 14. Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO3,4	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO 4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO4,5	20%
III	Thi cuối kì			

	Thực hành	- Chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4, 5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm KT giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính**:*

1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP

Tài liệu tham khảo:

1). Uỷ ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển,* NXB, TDTT.

2). Đinh Văn Lẫm (2006), *Giáo trình Bóng chuyền,* NXB TDTT, Hà Nội.

b. BÓNG ĐÁ

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ. Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá				2		6
Nội dung 2: Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.				2		6
Nội dung 3: Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.				2		6
Nội dung 4: Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân và Kiểm tra bài số 1				2		6
Nội dung 5: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.				2		6
Nội dung 6: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân				2		6
Nội dung 7: Học kỹ thuật ném biên,				2		6

Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. Kiểm tra giữa kỳ						
Nội dung 8: Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.				2		6
Nội dung 9: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên				2		6
Nội dung 10: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.				2		6
Nội dung 11: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. Kiểm tra bài số 2				2		6
Nội dung 12: Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng sút cầu môn				2		6
Nội dung 13: Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bài số 3				2		6
Nội dung 14: Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.				2		6
Nội dung 15: Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết);
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan);
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác;

- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp, thực hành động tác;
- Phương pháp thi đấu, trọng tài;
- Phương pháp củng cố và sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	PP kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 2)	CLO.3	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric 3)	CLO4.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 4)	CLO4.5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 5)	CLO.1.2.3.4.5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). PGS.TS Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình Bóng Đá,* NXB TDTT, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

1). Ủy ban TDTT (2007), *Luật Bóng đá sân 5,11 người,* NXB TDTT.

2). TS. Phạm Quang (2007), *Giáo trình Bóng đá,* NXB TDTT, Hà Nội.

c. BÓNG RỔ

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phũng thủ, phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực\, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào. Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản vê: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ. Biết vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO3: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học				2		6
Nội dung 2: - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh				2		6
Nội dung 3: Ôn tập: - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.				2		6
Nội dung 4: - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực				2		6
Nội dung 5: Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)				2		6
Nội dung 6: Ôn:				2		6

+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.						
Nội dung 7: - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật: - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thỡ sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên.Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lũng bàn tay giữ búng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trỡnh dẫn búng - Không được bật nhảy khống chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bó				2		6

Nội dung 8: - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 9: Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 10: Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 11: Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kìm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao.				2		6
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng				**30**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

- Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	PP kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 2)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhẩy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric 3)	CLO.5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 4)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhẩy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 5)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Tài liệu tham khảo:

1). Uỷ ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

2). Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ,* NXB ĐH Thái Nguyên.

d. THỂ DỤC AEROBIC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thể cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic. Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.
- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản				2		6
Nội dung 2 : Các tư thế cơ bản				2		6
Nội dung 3:				2		6

- Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, tháp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến 3)						
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, tháp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến 7)				2		6
Nội dung 5: Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) Học mới tổ hợp III (động tác 8 - 11)				2		6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I, II, III - Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)				2		6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 -15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)				2		6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 - 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V				2		6
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23				2		6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23 -Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)				2		6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				2		6
Tổng				**30**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

- Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác;
- Phương pháp trực quan;

- Phương pháp trò chơi vận động;
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, tháp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 2)	CLO1,2,3	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần. (Rubric 3)	CLO 4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 4)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 5)	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic,* NXB TDTT HN.

Tài liệu tham khảo:

1). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lẫm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), *Thể dục,* NXB TDTT HN.

2). Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II,* NXB TDTT

e. VOVINAM - VIỆT VÕ ĐẠO

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191035
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đinh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo

- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.

- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam. Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đinh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn				2		6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm múc				2		6
Nội dung 3: - Đá thẳng - Đá vòng cầu (Đá tạt) - Đá cạnh chân				2		6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)				2		6
Nội dung 11: (Ôn tập) Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)				2		6
Nội dung 12: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)				2		6
Nội dung 13: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)				2		6

Nội dung 14: Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)				2		6
Nội dung 15: Ôn tập và KT bài Long hổ quyền				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

- Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 2)	CLO3	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đấm (Rubric 3)	CLO3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 4)	CLO4,5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 5	CLO.2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), *Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ)" tập 1*, NXB TDTT.

Tài liệu tham khảo:

1). Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinan - Việt võ đạo* (VVN-VVĐ)

2). Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thế Nhu khí công quyền 2*, NXB TDTT, HN.

VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG (165 tiết)

1) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số tín chỉ: 3 (37; 8; 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lich sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng-an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn 91ang thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn 92ang thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10
Tổng	**37**	**8**				**135**

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
III	**Thi cuối kì**			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1). Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc,* NXB Giáo dục Việt Nam.

2). Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2) Công tác quốc phòng và an ninh/*Defense and security*

- Số tín chỉ: 2 (22; 8; 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống.
- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.
- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.
- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liện hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.
- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sắn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				
Tổng	**22**	**8**				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (03)**			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn …)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm:	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	- Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	**Thi cuối kì**			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Tài liệu bắt buộc:

1). Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1,* Nxb. Giáo dục.

2). Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012.*Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự,* Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1). Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh,* 2017.

2). Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh,* NXB Giáo dục.

3) Quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (14; 0; 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn

sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2:Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy -học		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2

8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	**30**	**14**	**16**

5. Phương pháp dạy - học

- Sư dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động…

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (03)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	**Thi kết thúc học phần (01)**			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).*

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2,* NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1). BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung,* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2). Bộ quốc phòng 2015, *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

3). Bộ quốc phòng 2015, *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân.

4) Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số ĐVHT: 04 (4; 0; 56)
- Mã học phần: GDQP 4
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Năm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	**60**	**4**	**56**

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.

- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.

- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số 05)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	**Thi kết thúc học phần**			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và*

đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1). Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012*, Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1,* NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

B. KHỐI KIẾN THỨC GDCN

I. KIẾN THỨC CƠ SỞ

6.19. TRẮC ĐỊA/GEODESY

- Số tín chỉ: 04 (30; 20; 40)
- Mã học phần: 262101
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Xác suất và thống kê toán học.

1. Mô tả học phần

Học phần Trắc địa được chia thành 2 phần:

Phần 1: Là kiến thức chung về trắc địa; Kiến thức chung về sai số trong trắc địa; Đo các yếu tố cơ bản: các phương pháp đo đạc cơ bản (đo khoảng cách, đo góc, đo cao); Đo vẽ thành lập bản đồ: các khái niệm cơ bản về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao. Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình, sử dụng bản đồ địa hình. Một số dạng đo phục vụ công tác quản lý đất đai: một số dạng đo phục vụ công tác trích đo; chia diện tích; hoạch định lại đường biên với điều kiện diện tích không đổi.

Phần 2: Thực hành đo các yếu tố cơ bản như: khoảng cách, góc, chênh cao để thành lập bản đồ địa hình.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Thiết lập được các bản đồ địa hình, địa chính phục vụ công tác quản lí và sử dụng đất đai.
- CO2: Sử dụng được máy đo hiện đại như máy toàn đạc điện tử, máy thủy chuẩn trong việc thiết lập bản vẽ địa hình, địa chính cũng như bố trí công trình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tính toán, quy đổi được các số liệu đo cơ bản từ ngoài thực địa lên bản vẽ và ngược lại. Xác định được một số đại lượng đo cơ bản trong trắc địa và đánh giá được độ chính xác của phép đo.
- CLO2: Đo vẽ, phân tích, tính toán, xử lý số liệu để thành lập bản đồ, bình đồ, mặt cắt.
- CLO3: Thiết lập được các bản đồ địa hình, địa chính phục vụ công tác quản lí và sử dụng đất đai.
- CLO4: Sử dụng được máy đo hiện đại như máy toàn đạc điện tử, máy thủy chuẩn trong việc thiết lập bản vẽ địa hình, địa chính, bố trí công trình.
- CLO5: Rèn luyện tác phong làm việc của người kỹ sư xây dựng tương lai: khoa học, chính xác, có ý thức tổ chức và kỷ luật, tính cẩn thận và kiên nhẫn; thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy định trong việc thiết lập bản vẽ, đảm bảo an toàn, tiết kiệm; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến trắc địa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Mở đầu và kiến thức chung về trắc địa.	5		1	0		20
Khái niệm về sai số trong trắc địa	3		3	0		20
Đo các yếu tố cơ bản	7	2	3	10		30
Lưới khống chế	6	2	4	15		45
Đo vẽ thành lập bản đồ	6		2	15		45
Một số dạng đo phục vụ công tác quản lý đất đai	3		3	0		20
Tổng	**30**	**4**	**16**	**30**	**0**	**180**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Bài tập (2 bài)	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thực hành (2 bài)	Rubric 3	CLO5	
	Chuyên cần và thái độ	Rubric 1	CLO6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
2	Bài tập lớn (Chuyên đề)	Rubric 3	CLO4	20%
III. Thi cuối kỳ				
3	Bài tập tổng hợp kiến thức (4 bài)	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Giảng viên phân tích, hướng dẫn lý thuyết, vận dụng vào việc giải bài tập, sau đó SV tự học theo nhóm để giải quyết các bài tập còn lại.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết và số giờ thực hành, tham dự đầy đủ các tiết thảo luận, kiểm tra kỹ năng thực hành máy, hoàn thành các bài tập lớn, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra quá trình và giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần; nạp đầy đủ báo cáo thực tập và bản vẽ chi tiết địa hình sau khi kết thúc đượt thực hành.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Phạm Văn Chuyên (2012), *Trắc địa đại cương*, NXB Xây dựng Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

2). Đàm Xuân Hoàn, Nguyễn Khắc Thời, Nguyễn Trọng Tuyển (2005), *Trắc địa*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

3). Nguyễn Thanh Trà (1999), *Giáo trình bản đồ địa chính*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

6.20. THỔ NHƯỠNG/PEDOLOGY

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162009
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Độ phì nhiêu, thành phần của đất, nguồn gốc của đất, quá trình phong hóa và quá trình hình thành đất. Các đặc tính cơ bản của đất bao gồm: hàm lượng các chất hữu cơ trong đất, các nguyên tố dinh dưỡng trong đất, thành phần cơ giới và kết cấu đất, nước trong đất, phản ứng của đất, keo đất và khả năng hấp phụ của đất. Các hệ thống phân loại đất và các loại đất chính ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về thổ nhưỡng để nhận biết, giải thích, phân tích, đánh giá được độ phì nhiêu, thành phần của đất, nguồn gốc của đất, quá trình phong hóa và quá trình hình thành đất, hàm lượng các chất hữu cơ trong đất, các nguyên tố dinh dưỡng trong đất, thành phần cơ giới và kết cấu đất, nước trong đất, phản ứng của đất, keo đất và khả năng hấp phụ của đất tại một địa phương cụ thể.

- CO2: Điều tra, thu thập và lấy mẫu, xử lý mẫu đất phục vụ phân tích các chỉ tiêu nông hóa đất, phân tích được một số các chỉ tiêu lý hóa học cơ bản của đất, phân tích được một số chỉ tiêu cơ bản về tính chất nông hóa của đất.

- CO3: Hiểu được tầm quan trọng và vai trò của các thành phần của đất đến sản xuất của đất; Thực hiện các hoạt động, hành động bảo vệ môi trường và đất đai; Tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức của mọi người xung quanh về vấn đề bảo vệ đất.Chủ trì hoặc tham gia thực hiện việc phân tích đất tại một địa phương cụ thể. Có tinh thần trách nhiệm trong việc và chịu trách nhiệm trong công việc được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được khái niệm về độ phì nhiêu, nguồn gốc và thành phần của đất, quá trình phong hoá và quá trình hình thành đất, phân loại đất Việt Nam

- CLO2: Giải thích được quá trình biến hoá xác hữu cơ trong đất, vai trò của các chất hữu cơ của đất, ảnh hưởng của keo đất và khả năng hấp phụ đến tính chất đất.

- CLO3: Phân tích được hàm lượng các chất hữu cơ trong đất, các nguyên tố dinh dưỡng trong đất, thành phần cơ giới và kết cấu đất, nước trong đất, phản ứng của đất, keo đất và khả năng hấp phụ của đất.

- CLO4: Chủ trì hoặc tham gia điều tra, thu thập mẫu, xử lý mẫu đất và phân tích được một số chỉ tiêu cơ bản của đất.

- CLO5: Tham gia trong các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; Thể hiện được năng lực làm việc độc lập; Thực hiện được một nghiên cứu độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Nguồn gốc và quá trình hình thành đất	2	2	-	5	-	17
Chương 2. Chất hữu cơ và mùn trong đất	3	3	-	5	-	15
Chương 3. Thành phần hoá học và các chất dinh dưỡng trong đất	3	3	-	5	-	18
Chương 4. Thành phần cơ giới và kết cấu đất	3	3	-	5	-	17
Chương 5. Nước, không khí, nhiệt trong đất và một số tính chất vật lý khác của đất	3	3	-	5	-	17
Chương 6. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất	2	2	-	5	-	17
Chương 7. Phản ứng của đất	2	2	-	-	-	17
Chương 8. Phân loại đất và các loại đất chính tại Việt Nam	2	2	-	-	-	17
Tổng	**20**	**20**		**30**		**135**

5. Phương pháp dạy – học:

Thuyết trình; Thảo luận; Hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Bài tập cá nhân/tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, CLO 2, CLO 3.	30%
2	Thực hành	Rubric đánh giá thực hành	CLO 4, CLO 5	
3	Thảo luận,bài tập nhóm	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 4, CLO 5	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 4, CLO 5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			

	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kì	CLO 1, CLO 2, CLO 3	20%
III	**Thi cuối kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra cuối kì	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Trần Văn Chính (2006), *Giáo trình thổ nhưỡng,* NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Nguyễn Hữu Thành, Cao Việt Hà (2020), *Giáo trình phân tích đất, nước,* NXB học viện Nông nghiệp.

6.21. PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI/LAND LAW

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 262046
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai; Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; Chế độ quản lý Nhà nước về đất đai; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Thủ tục hành chính trong quản lý sử dụng đất đai; Chế độ pháp lý nhóm đất nông nghiệp; Chế độ pháp lý đất phi nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai; Trình bày được chế độ sỡ hữu toàn dân về đất đai, các thủ tục hành chính về đất đai, các quy định về quản lý và sử dụng nhóm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp; Phân tích được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- CO2: Vận dụng luật đất đai giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế; Thực hiện được các thủ tục hành chính về đất đai.

- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Về kiến thức:

- CL01: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai;

- CL02: Trình bày được chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, các thủ tục hành chính về đất đai, các quy định về quản lý và sử dụng nhóm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp;

- CL03: Phân tích được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Về kỹ năng:

- CLO4: Giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế; Thực hiện được các thủ tục hành chính về đất đai

Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai	2	2				10
Chương 2. Chế độ sỡ hữu toàn dân về đất đai	1	2				25
Chương 3. Chế độ quản lý nhà nước về đất đai	6	6		25		20
Chương 4. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất	5	4				20
Chương 5. Thủ tục hành chính trong quản lý sử dụng đất đai	2	2		5		20
Chương 6. Chế độ pháp lý nhóm đất nông nghiệp	2	2				20
Chương 7. Chế độ pháp lý nhóm đất phi nông nghiệp	2	2				20
Tổng	**20**	**20**	**0**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy – học:

Thuyết trình; Thảo luận; Hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-4	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1-3, CLO5	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric 4	CLO1-3	20%

III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5	CLO1-3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật đất đai*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

Tài liệu tham khảo:

1). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

6.22. ĐÁNH GIÁ ĐẤT/LAND EVALUATION

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162019
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị các khái niệm về đất đai, mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và các bước chính thực hiện qui trình đánh giá đất theo FAO (1976); các khái niệm về đất đai, sử dụng đất đai, hệ thống sử dụng đất đai, đơn vị bản đồ đất đai, loại hình sử dụng đất đai trong đánh giá đất theo FAO; các đặc tính đất đai, chất lượng đất, tính chất đất của các đơn vị bản đồ đất đai; lựa chọn và mô tả các loại hình sử dụng đất có triển vọng; cấu trúc phân hạng đất theo FAO; nội dung, phương pháp phân hạng thích hợp đất đai.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được kiến thức chung và qui trình thực hiện đánh giá đất theo chỉ dẫn của FAO thông qua việc xác định các chỉ tiêu và qui trình xây dựng các đơn vị bản đồ đất đai; xác định và mô tả các loại hình sử dụng đất, xác định cấu trúc phân hạng và phân hạng thích hợp đất đai hiện tại và tương lai;

- CO2: Đánh giá được mức độ thích hợp của các loại hình sử dụng đất, phân hạng thích hợp đất đai phục vụ qui hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp qui mô cấp huyện, tỉnh và các dự án phát triển vùng nguyên liệu, phát triển nông nghiệp nông thôn;

- CO3: Nhận biết, đánh giá, phân biệt được các ưu, nhược điểm của các phương pháp đánh giá đất đai hiện tại. Nắm chắc các nội dung cần thực hiện trong quá trình đánh giá đất. Cập nhật thường xuyên các phương pháp đánh giá đất đai trên thế giới. Không ngừng học hỏi nâng cao trình độ về chuyên môn, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Nhận thức đúng đắn vai trò của đánh giá đất đối với vấn đề quy hoạch sử dụng đất;

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: - Hiểu được các khái niệm về đất đai, loại hình sử dụng đất, đơn vị bản đồ đất đai, hệ thống sử dụng đất, cấu trúc phân hạng thích hợp đất đai và các phương pháp đánh giá đất đai theo FAO. Trình bày được kết quả đánh giá đất đai dưới dạng bản đồ đơn vị và bản đồ thích hợp đất đai. Nắm vững các nguyên tắc, quy trình đánh giá đất đai theo hướng dẫn của FAO.

- CLO2: Giải thích được tầm quan trọng của đánh giá đất đối với quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể. So sánh được ưu, nhược điểm của các phương pháp đánh giá đất khác đối với phương pháp đánh giá đất theo FAO. Có khả năng xây dựng phiếu điều tra, khả năng phỏng vấn, tổng hợp và phân tích dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội đối phục vụ cho công tác đánh giá đất.

- CLO3: Sinh viên, sinh viên nhận thức rõ được vị trí, chức năng và nhiệm vụ của công tác đánh giá đất đối với chuyên ngành quy hoạch sử dụng đất, định giá đất.

- CLO4: Có phương pháp làm việc khoa học. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, cẩn thận, trung thực và chính xác trong xử lý kỹ thuật. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác. Không ngừng học hỏi, cập nhận các tiến bộ của khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về đánh giá đất đai 1.1. Mục đích, yêu cầu 2.2. Nội dung nghiên cứu đánh giá đất đai 3.3. Phương pháp đánh giá đất đai 4.4. Một số nguyên tắc trong đánh giá đất đai 5.5. Tổng quan tình hình nghiên cứu đánh giá đất	4					20
Chương 2. Đất đai - bản đồ đơn vị đất đai 2.1. Đất 2.2. Đất đai và bản đồ đơn vị đất đai	6	5		10		25
Chương 3. Loại hình và yêu cầu sử dụng đất 3.1. Một số khái niệm liên quan đến sử dụng đất 3.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất	3	5		10		45
Chương 4. Phân hạng và đánh giá thích hợp đất đai 4.1. Xếp hạng các yếu tố chẩn đoán 4.2. Phân hạng khả năng thích hợp đất đai	7	10		10		45

4.3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động môi trường 4.4. Phạm vi và thể loại phân hạng khả năng thích hợp						
Tổng	**20**	**20**		**30**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	***Kiểm tra thường xuyên***	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	***Làm bài tập cá nhân***	Rubric 1	CLO1, CLO2	
3	***Làm bài tập thực hành***	Rubric 2	CLO3, CLO4	
4	***Đánh giá kết quả điểm chuyên cần***	Rubric 3	CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3		Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3, 4		Rubric 5	CLO1, CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đào Châu Thu (2014), *Giáo trình Đánh giá đất (tái bản)*, NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Lê Quang Trí (1006), *Giáo trình thực hành Đánh giá đất*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

2). Huỳnh Thanh Hiền (2015), *Đánh giá đất.* NXB Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, 2015.

6.23. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ/GEOGRAPHIC INFOMATION SYSTEM

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162075
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ số

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Arcgis, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về các chức năng và ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý (GIS) và hệ thống thông tin đất (LIS), xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ trong công tác quản lý đất đai.

- CO2: Nhận biết và giải quyết được các vấn đề, khả năng thu thập, phân tích và đánh giá thông tin. Sử dụng được các phần mềm GIS xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu điều tra phục vụ cho công tác thành lập, cập nhật vả chỉnh lý bản đồ.

- CO3: Có kỹ năng học và tự học, thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng. Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, các nội qui, quy định; có ý chí vươn lên trong học tập; tích cực tham quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong nhà trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được những khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS. Hiểu được những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học và trong quản lý nhà nước về đất đai.

- CLO2: Kỹ năng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, hiển thị bản đồ, cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ. Rèn luyện sự năng động cần thiết của một nhà địa lý để thích ứng với công nghệ tin học; những kỹ năng ứng dụng GIS- MAP trong thời đại kỹ thuật số.

- CLO3: Có phương pháp làm việc khoa học. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, cẩn thận, trung thực và chính xác trong xử lý kỹ thuật. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác. Không ngừng học hỏi, cập nhận các tiến bộ của khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	
Chương 1: Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý 1.1. Giới thiệu Hệ thống thông tin địa lý (GIS) 1.2. Lịch sử phát triển của GIS 1.3. Các thành phần của Hệ thống thông tin địa lý 1.4. Các chức năng của GIS 1.5. Ứng dụng của GIS trong quản lý tài nguyên môi trường 1.6. Hệ thống tham chiếu không gian trong GIS	3	2	-		25
Chương 2. Cấu trúc dữ liệu trong GIS 2.1. Tổng quan về cấu trúc dữ liệu trong GIS 2.2. Dữ liệu không gian 2.3. Dữ liệu thuộc tính	5	2	5		15
Chương 3: Mô hình số độ cao 3.1. Giới thiệu chung về mô hình số độ cao (DEM) 3.2. Phương pháp biểu thị DEM 3.3. Các phương pháp xây dựng DEM 3.4. Một số ứng dụng của DEM 3.5. Mô hình dạng TIN 3.6. Dữ liệu thông tin, quản lý dữ liệu (Metadata)	5	1			25
Chương 4: Phân tích dữ liệu trong GIS 4.1. Giới thiệu về phân tích dữ liệu trong GIS 4.2. Truy vấn, phân tích và hiển thị dữ liệu 4.3. Các chức năng phân tích KG 4.4. Chức năng phân tích mạng lưới 4.5. Ký hiệu hóa và tạo trang in bản đồ	7	-	10		35
Thực hành				30	35
Tổng	**20**	**5**	**10**	**30**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	***Kiểm tra thường xuyên (2 bài)***	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	***Làm bài tập cá nhân***	Rubric 1	CLO1, CLO2	
3	***Làm bài tập thực hành***	Rubric 2	CLO2, CLO3	
4	***Đánh giá kết quả điểm chuyên cần***	Rubric 3	CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
Tổng hợp kiến thức chương 2,3		Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III. Thi cuối kì				
Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3, 4		Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Lê Thị Giang (2016), *Giáo trình thực hành Hệ thống thông tin địa lý*, NXB Nông nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1). Lê Thị Giang (2017), *Giáo trình cơ sở dữ liệu đất đai,* NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2). Dương Đăng Khôi (2012), *Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý,* Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

II. KIẾN THỨC NGÀNH

6.24. ĐĂNG KÝ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI/REGISTER FOR LAND STATISTICS

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162021

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước về đất đai

1. Mô tả học phần

Học phần Đăng ký thống kê đất đai bao gồm những kiến thức chung về công tác đăng ký và tài sản gắn liền với đất; Những quy định về đăng ký và tài sản gắn liền với đất đai lần đầu; Những quy định về đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất và những quy định về thống kê, kiểm kê đất đai.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học các kiến thức chung về công tác đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; những quy định và trình tự, thủ tục về đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất đai lần đầu; những quy định và trình tự, thủ tục về đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất; các quy định về quản lý hồ sơ địa chính.
- CO2: Hướng dẫn người học thực hiện các thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu và đăng ký biến động đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai hàng năm và định kỳ.
- CO3: Người học thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác đăng ký, thống kê, kiểm kê đất đai;

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được các vấn đề chung về công tác đăng ký đất đai.
- CLO2: Vận dụng được các quy định của pháp luật trong việc thực hiện thủ tục hành chính,xử lý tình huống và phát hiện các vi phạm về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu;
- CLO3 Vận dụng được các quy định của pháp luật trong việc thực hiện thủ tục hành chính, xử lý tình huống và phát hiện các vi phạm về đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất
- CLO4: Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai các cấp và cả nước, đất quốc phòng và đất an ninh;
- CLO5: Thái độ học tập và làm việc nghiêm túc. Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái quát chung về công tác đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất	2	1				30
Chương 2. Đăng ký đất đai và tài sản găn liền với đất lần đầu	6	6				35
Chương 3. Đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất	7	7				40
Chương 4. Thống kê, kiểm kê đất đai	5	6		30		30
Tổng	**20**	**20**		**30**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04 bài)**			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1-5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1-4, CLO6	
3	Thực hành	Rubric thực hành	CLO5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric viết	CLO2, CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric viết	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thị Thu Hương (2017), *Bài giảng đăng ký thống kê đất đai,* NXB Nông nghiệp Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1). Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (2006), *Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai.*

2). Chính phủ (2024), *Nghị định 101/NĐ-CP ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2024 về quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai*

6.25. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT/LAND USE PLANNING

- Số tín chỉ: 04 (30; 20; 40)
- Mã học phần: 162076
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Bản chất của quy hoạch sử dụng đất: Sự cần thiết phải lập quy hoạch sử dụng đất. Dự báo nhu cầu sử dụng đất cấp xã. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp .Quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp. Tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những kiến thức về vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Phân tích được bản chất của quy hoạch sử dụng đất và sự cần thiết phải lập quy hoạch sử dụng đất. Dự báo được nhu cầu sử dụng các loại đất cấp xã. Tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- CO2: Xác định được nhu cầu sử dụng các loại đất: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp cấp xã.

- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc xây dựng các phương án quy hoạch sử dụng đất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế, xã hội, bản chất của quy hoạch sử dụng đất;

- CLO2: Chứng minh được sự cần thiết phải lập quy hoạch sử dụng đất;

- CLO3: Tính toán được nhu cầu sử dụng các loại đất cấp xã;

- CLO4: Dự báo được nhu cầu sử dụng đất của một địa phương;

- CLO5: Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc. Nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của công tác quy hoạch sử dụng đất trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1. Vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế, xã hội	2	2			20
Chương 2. Bản chất của quy hoạch sử dụng đất	2	1			30
Chương 3. Sự cần thiết phải lập quy hoạch sử dụng đất	2	1			20
Chương 4. Dự báo nhu cầu sử dụng các loại đất cấp xã	10	9	40		70
Chương 5. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp	6	3			15
Chương 6. Quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp	6	3			15
Chương 7. Tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	2	1			10
Tổng số	**30**	**20**	**40**	**0**	**180**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập và thực hành, vấn đáp.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 – CLO4, CLO6	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric 4	CLO1-4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Thuyết trình, vấn đáp	Rubric 5	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đoàn Công Quỳ (2006), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024,* NXB Công an nhân dân

2). Chính phủ (2024), *Nghị định 101/NĐ-CP ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2024 về quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai*

6.26. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI/ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF LAND

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 262066
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Học phần gồm những kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; Quá trình phát triển của công

tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta qua các giai đoạn. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; quá trình phát triển về công tác quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ .

- CO2: Giúp người học phân tích được các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai

- CO3: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng hệ thống văn bản pháp luật đất đai để giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai; kỹ năng đánh giá công tác quản lý đất đai thông qua các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Người học thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai;

- CLO2: Trình bày được quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai và các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta;

- CLO3: Tham mưu, giải quyết được các vấn đề liên quan đến đất đai;

- CLO4: Đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai ở 1 địa phương.

- CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận**	**Bài tập**			
Chương 1: Đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai	3	4				15
Chương 2: Quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta	3	1				20
Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về đất đai	14	15		30		100
Tổng	**20**	**20**		**30**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04 bài)**			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1-5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập cá nhân	CLO2	
3	Thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3,5	
4	Thực hành	Rubric thực hành	CLO3,4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric viết	CLO1,2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric viết	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Khắc Thái Sơn (2007), *Giáo trình Quản lý nhà nước về đất đai, NXB Nông nghiệp*

Tài liệu tham khảo:

1). Đỗ Thị Đức Hạnh (2016), *Bài giảng Quản lý hành chính nhà nước về đất đai,* Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

2). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024,* NXB Công an nhân dân

3). Chính phủ (2024), *Nghị định 101/NĐ-CP ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2024 về quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai*

6.27. BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH/CADASTRAL MAP

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162013
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Trắc địa

1. Mô tả học phần

Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu thành lập bản đồ địa chính, sơ lược quá trình thành lập bản đồ địa chính; cơ sở toán học thành lập bản đồ địa chính: cơ sở trắc địa, hệ thống tỷ lệ bản đồ, phép chiếu bản đồ, chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính, bố cục và khung bản đồ; nội dung và nguyên tắc thể hiện các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính: các yếu tố cơ bản của bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa

chính, nguyên tắc biểu thị các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính, ký hiệu bản đồ địa chính, yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính; sử dụng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai: sử dụng bản đồ địa chính trong phòng, sử dụng bản đồ địa chính ngoài trời, tính khoảng cách từ bản đồ ra thực địa, chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ, tính diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính; chỉnh lý bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu của chỉnh lý bản đồ địa chính, các phương pháp chỉnh lý biến động đất đai.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về bản đồ địa chính cũng như cơ sở toán học, hệ thống các phép chiếu, các nội dung toán học của bản đồ địa chính, cơ sở phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính. Các nguyên tắc biểu thị chúng lên bản đồ cũng như cách sử dụng, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính.

- CO2: Trình bày được các khái niệm về bản đồ địa chính, bản đồ địa chính gốc; phân biệt được sự giống và khác nhau của các phép chiếu bản đồ; tính được khoảng cách từ bản đồ ra thực địa, chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ. Tính được diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính; chỉnh lý bản đồ địa chính. Trích đo được thửa đất từ bản đồ; chỉnh lý biến động đất đai trên bản đồ địa chính.

- CO3: Nhận biết, đánh giá, phân biệt được sự khác nhau của các loại bản đồ trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; nắm chắc các nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính và vai trò của bản đồ địa chính trong quản lý nhà nước về đất đai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được các khái niệm về bản đồ,cơ sở toán học bản đồ, hệ thống tọa độ và các phép chiếu bản đồ, nội dung nguyên tắc phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính. Tính toán và chuyển đổi được các số liệu đo vẽ ngoài thực địa lên trên bản đồ. Nắm vững các nguyên tắc chỉnh lý biến động, cập nhập dữ liệu lên trên bản đồ địa chính.

- CLO2: Vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục vụ thành lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai.

- CLO3: Phân biệt được sự giống và khác nhau của hệ thống các phép chiếu. Sự giống và khác nhau của phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính so với bản đồ địa hình. Nắm chắc các phương pháp tính toán diện tích. Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính trên thế giới và của Việt nam, những quy phạm về thành lập bản đồ địa chính cho từng loại đất theo pháp luật đất đai và các văn bản pháp luận hướng dẫn hiện hành.

- CLO4: Thể hiện được năng lực học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành. Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây dựng các loại bản đồ chuyên nghành.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		

Chương 1. Khái quát về bản đồ địa chính 1.1. Khái quát về bản đồ học 1.2. Phân loại bản đồ 1.3. Các yếu tố bản đồ 1.4. Tỷ lệ bản đồ 1.5. Khái niệm, tính chất, phân loại bản đồ địa chính 1.6. Nội dung bản đồ địa chính	2	2			15
Chương 2. Cơ sở toán học bản đồ địa chính 2.1. Lưới khống chế tọa độ, độ cao 2.2. Hệ thống tỷ lệ bản đồ địa chính 2.3. Phân mảnh và phiên hiệu bản đồ địa chính 2.4. Phép chiếu và hệ tọa độ địa chính 2.5. Yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính	8		10		35
Chương 3. Nội dung bản đồ địa chính 3.1. Các yếu tố cơ bản của bản đồ địa chính 3.2. Nội dung bản đồ địa chính 3.3. Nguyên tắc biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ địa chính 3.4. Ký hiệu bản đồ địa chính 3.5. Yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính	4	3			35
Chương 4. Sử dụng bản đồ địa chính 4.1. Sử dụng bản đồ địa chính trong phòng 4.3. Tính khoảng cách từ bản đồ ra thực địa 4.4. Chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ 4.5. Tính diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính	4		5	25	25
Chương 5. Chỉnh lý bản đồ địa chính 5.1. Mục đích, yêu cầu của chỉnh lý bản đồ địa chính 5.2. Các phương pháp chỉnh lý biến động	2		4	5	25
Tổng	**20**	**5**	**15**	**30**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
1	***Kiểm tra thường xuyên (viết):*** Khái niệm cơ bản của bản đồ, bản đồ địa chính, cơ sở toán học bản đồ	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	***Làm bài tập cá nhân:*** phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính.	Rubric 1	CLO1, CLO2	
3	***Làm bài tập thực hành:*** Tính toán chỉnh lý biến động bản đồ, đo diện tích, sử dụng bản đồ địa chính ngoài thực địa	Rubric 2	CLO3, CLO4	
4	***Đánh giá kết quả điểm chuyên cần***	Rubric 3	CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3		Rubric 4	CLO1, CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3, 4, 5		Rubric 5	CLO1, CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thị Kim Hiệp, Vũ Thị Thanh Thuỷ, Võ Quốc Việt, Phan Đình Binh, Lê Văn Thơ (2016), *Giáo trình Bản đồ địa chính*, NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Nguyễn Thanh Trà (1999), *Giáo trình Bản đồ địa chính*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

2). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024,* NXB Công an nhân dân

6.28. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI/ INFOMATICS MAPPING APPLICATION

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162082
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ số

1. Mô tả học phần

Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ số, đặc điểm của bản đồ số, khái quát sự ra đời và phát triển của bản đồ số, cơ sở dữ liệu bản đồ số, các chuẩn về bản đồ số; Quy trình thành lập bản đồ số: thu thập và số hoá dữ liệu, xử lý dữ liệu, biểu thị dữ liệu, lưu trữ dữ liệu; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng phần mềm MicroStation; Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Áp dụng được các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai; tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nhằm ứng dụng phần mềm tin học trong công tác xây dựng bản bồ số, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- CO2: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ xử lý số liệu để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác; có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu điều tra phục vụ cho công tác thành lập, cập nhật vả chỉnh lý bản đồ.

- CO3: Có khả năng học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên nghành.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai.

- CLO2: Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nhằm ứng dụng phần mềm tin học trong công tác xây dựng bản bồ số, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai. Ứng dụng tin học trong việc cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai.

- CLO3: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ xử lý số liệu để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác. Có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu điều tra phục vụ cho công tác thành lập, cập nhật vả chỉnh lý bản đồ.

- CLO4: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên nghành.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Bản đồ số 1.1. Khái niệm	2					15

1.2. Đặc điểm của bản đồ số 1.3. Khái quát về sự ra đời và phát triển bản đồ số 1.4. Cơ sở dữ liệu bản đồ số 1.5. Các chuẩn về bản đồ số						
Chương 2. Khái quát quy trình thành lập bản đồ số 2.1. Khái quát 2.2. Thu thập và số hóa dữ liệu 2.3. Xử lý dữ liệu 2.4. Biểu thị dữ liệu 2.5. Lưu trữ dữ liệu	5					25
Chương 3. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng phần mềm MicroStation 3.1. Giới thiệu chung 3.2. Thanh công cụ và các chức năng cơ bản của MicroStation 3.3. Các bước xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên MicroStation 3.4. In ấn bản đồ	10		15			30
Chương 4. Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis 4.1. Giới thiệu chung 4.2. Các chức năng của phần mềm Famis 4.3. Các bước xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis	3		5			20
Phần thực hành						
Bài 1: Các lệnh vẽ cơ bản của MicroStation.				5		5
Bài 2: Các lệnh biên tập bản đồ của MicroStation.				5		5
Bài 3: Xây dựng hệ thống ký hiệu quy ước cho BĐ hiện trạng SDĐ và bản đồ địa chính.				5		5
Bài 4: Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng số từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng giấy				5		10
Bài 5: Thành lập bản đồ địa chính từ cơ sở dữ liệu trị đo				5		10
***Bài 6*:** Biên tập và hoàn thiện một tờ bản đồ cụ thể				5		10
Tổng	**20**		**20**	**30**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	***Làm bài tập cá nhân (tự luận):*** Quy trình thành lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng, bản đồ QHSD đất	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	***Đánh giá kết quả bài thực hành số 1***: thực hành nắn ảnh và số hóa các đối tượng bản đồ	Rubric 2	CLO3 CLO4	
3	***Đánh giá kết quả bài thực hành số 2:*** thực hành sửa lỗi và biên tập nội dung bản đồ	Rubric 2	CLO3 PLO4	
4	***Đánh giá kết quả bài thực hành số 3:*** Biên tập hoàn thiện nội dung bản đồ	Rubric 2	CLO3 PLO4	
5	***Đánh giá kết quả điểm chuyên cần***	Rubric 3	CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
Thực hành: số hóa và biên tập nội dung của bản đồ hiện trạng SDĐ		Rubric 4	CLO2 CLO3 CLO4	20%
III. Thi cuối kì				
Thực hành trên máy: Xây dựng và hoàn thiện được một tờ bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Trần Quốc Vinh và cộng sự (2016), *Giáo trình Tin học ứng dụng vẽ bản đồ*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1). Bộ Tài nguyên và Môi trường (2007), *Hướng dẫn sử dụng các phần mềm Famis - MicroStation - IrasB - Geovec - MRFClean - MRFFlag*, 2007.

2). Tổng cục Địa chính (2007), *Hướng dẫn sử dụng MicroStation trong việc thành lập bản đồ địa chính*.

6.29. GIAO ĐẤT THU HỒI ĐẤT/LAND ALLOCATION AND RECLAIME

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162180
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và MT
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu chung về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Những quy định về giao đất, cho thuê đất; Những quy định về chuyển mục đích sử dụng đất; Những quy định về thu hồi đất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những kiến thức chung về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Phân tích được những quy định của pháp luật đất đai về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- CO2: Vận dụng luật đất đai giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất. Đánh giá thực trạng các công tác này tại một địa phương.

- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức chung về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất;

- CLO2: Phân tích được những quy định của pháp luật đất đai về giao đất, cho thuê đất, những quy định của pháp luật đất đai về chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- CLO3: Giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất. Đánh giá thực trạng các công tác này tại một địa phương.

- CLO4: Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc. Nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1: Giới thiệu chung về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất	4	5			15
Chương 2: Những quy định về giao đất, cho thuê đất	6	7	10		30

Chương 3: Những quy định về chuyển mục đích sử dụng đất	5	3	10		35
Chương 4: Những quy định về thu hồi đất	5	5	10		55
Tổng số	**20**	**20**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập và thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	**Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**CĐR HP liên quan**	**Trọng số**
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 – CLO4, CLO6	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 4	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
Thuyết trình, vấn đáp		Rubric 5	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Phan Thi Thanh Huyền, Phạm Phương Nam (2020), *Giáo trình Giao đất thu hồi đất*, NXB Học viện Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024,* NXB Công an nhân dân.

2). Chính phủ (2024), *Nghị định 101/NĐ-CP ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2024 về quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai*

6.30. PHÂN LOẠI ĐẤT VÀ XÂY DỰNG BẢN ĐỒ ĐẤT/SOIL CLASSIFICATION AND SOIL MAPPING.

- Số tín chỉ: 02 (15; 10; 20)
- Mã học phần: 162186
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học Đất – Môi trường.

- Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm kiến thức về Phân loại đất và lịch sử phát triển của phân loại đất, phân loại đất theo phát sinh, phân loại đất theo Soil Taxonomy (USDA), phân loại đất theo FAO-UNESCO (IRB, WRB); Kiến thức chung về bản đồvà quy trình kỹ thuật xây dựng bản đồ đất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể trình bày và hiểu được cơ sở lý luận về phân loại đất, các phương pháp phân loại đất thông dụng hiện nay trên thế giới và trong nước đang thực hiện; nắm được các kiến thức về bản đồ, bản đồ đất, nội dung, phương pháp và quy trình xây dựng bản đồ đất.

- CO2: Người học mô tả phẫu diện đất, xác định được quá trình hình thành đất phục vụ phân loại đất, nắm vững quy trình, hiểu và thực hành đầy đủ mọi việc để xây dựng được bản đồ đất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được các kết quả phân tích để đánh giá các đặc tính lý, hoá, sinh học đất phục vụ phân loại và xây dựng bản đồ đất.

- CLO2: Vận dụng kiến thức về bản đồ đất phục vụ đánh giá đất trong sử dụng đất thích hợp, hiệu quả và bền vững.

- CLO3: Xây dựng được bản đồ đất, bản đồ nông hóa tỷ lệ lớn, Sử dụng được một số phần mềm tin học GIS và một số phần mềm làm bản đồ trong xây dựng bản đồ đất, bản đồ nông hóa tỷ lệ lớn

- CLO4: Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của kiến thức thuộc lĩnh vực phân loại đất, xây dựng bản đồ đất trong sử dụng đất hiệu quả, bền vững. Tham gia trong các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; Thể hiện được năng lực làm việc độc lập; Thực hiện được một nghiên cứu độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học học phần**				
	Lí thuyết	Thảo luận, làm việc nhóm	Thực hành	Tự học	KT- ĐG
1. Mở đầu	0,5	0	-	1	-
2. Phân loại đất và lịch sử phát triển của các hệ thống phân loại đất	1		-	8	-
3. Phân loại đất theo phát sinh	2	2	-	15	-
4. Phân loại đất theo Soil Taxonomy	2	2	-	24	-
5. Phân loại đất theo FAO- UNESCO	3	3	-	34	1
6. Những kiến thức chung về bản đồ	3	3	-	26	-
7. Bản đồ đất và các ứng dụng của chúng	3,5		-	22	
8. Thực hành	-		20	5	
Tổng	**15**	**10**	**20**	**135**	**1**

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2	
3	Bài tập nhóm/thuyết trình	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2	
4	Bài thực hành	Rubric đánh giá thực hành	CLO2	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
5	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1,2	20%
III	**Thi cuối kì**			
6	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1,2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đỗ Nguyên Hải, Hoàng Văn Mùa (2007), *Giáo trình Phân loại và xây dựng bản đồ đất*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1). Trần Văn Chính và nnk, (2006), *Giáo trình Thổ nhưỡng,* Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội

6.31. TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI VÀ GIÁ ĐẤT/Land finance and Land prices

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162096
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm và đặc trưng của đất đai và thị trường đất đai. Các yếu tố cấu thành thị trường đất đai, vai trò của thị trường đất đai, các khu vực

của thị trường đất đai, các đặc trưng của thị trường đất đai. Khái niệm về giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất. Khái niệm về định giá đất và các thông tin cần có trong định giá đất. Các nguyên tắc định giá đất. Định giá đất bằng phương pháp thu thập. Định giá đất bằng phương pháp so sánh trực tiếp. Định giá đất bằng phương pháp thặng dư. Định giá đất bằng phương pháp chiết trừ và định giá đất bằng phương pháp hệ số điều chỉnh. Công tác định giá đất ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những kiến thức về đất đai và thị trường đất đai; Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất; Định giá đất và nguyên tắc xác định giá đất; Các phương pháp định giá đất; Định giá đất trên thế giới và ở Việt Nam
- CO2: Xác định được giá đất, giá cho thuê đất ở một khu vực xác định
- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc quyết định về giá đất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức về đất đai và thị trường đất đai;
- CLO2: Phân tích được những kiến thức về giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất, những kiến thức về định giá đất và nguyên tắc xác định giá đất và các phương pháp định giá đất;
- CLO3: Đánh giá được những kiến thức về định giá đất trên thế giới và ở Việt Nam**;**
- CLO4: Xác định được giá đất, giá cho thuê đất ở một khu vực xác định;
- CLO5: Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc. Nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí của công tác định giá đất trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**				**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)		**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận, bài tập**			
Chương 1: Đất đai và thị trường đất đai	2	1			15
Chương 2: Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất	4	5			30
Chương 3: Định giá đất và nguyên tắc xác định giá đất	3	5			20
Chương 4: Phương pháp định giá đất	9	8	30		55
Chương 5: Định giá đất trên thế giới và ở Việt Nam	2	1			15
Tổng số	**20**	**20**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập và thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-6	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 - CLO5, CLO7	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric 4	CLO1-4	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Hồ Thị Lam Trà, Nguyễn Văn Quân (2006), *Giáo trình Định giá đất*, NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Chính phủ (2024), N*ghị định 71/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất.*

2). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024*, NXB Công an nhân dân

6.32. VIỄN THÁM/REMOTE SENSING

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 125265
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Trắc địa

1. Mô tả học phần

Mô tả các khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của viễn thám. Đặc điểm phổ và các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; các bước giải đoán ảnh viễn thám; ứng dụng của viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. Học phần cũng giới thiệu phần mềm viễn thám Envi, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững kiến thức về lịch sử phát triển khoa học của viễn thám trên thế giới, các nguyên lý chung của việc chụp ảnh hàng không và ảnh vệ tinh. Hiểu rõ về nguyên lý và cơ sở vật lý của viễn thám cũng như các thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. Vận

dụng sáng tạo phương pháp phân tích và đoán đọc ảnh viễn thám phục vụ nghiên cứu, quản lý tài nguyên đất đai và môi trường.

- CO2: Có khả năng ứng dụng các phần mềm chuyên ngành để giải đoán ảnh hàng không, ảnh vệ tinh để giải quyết các bài toán tình huống trong việc thành lập bản đồ chuyên đề. Vận dụng sáng tạo kỹ năng biên tập và biên vẽ bản đồ từ các nguồn tư liệu viễn thám phục vụ công tác quản lý, dự báo và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Có kỹ năng nhận biết và giải quyết vấn đề. Có khả năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- CO3: Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, các nội qui, quy định của nhà trường. Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong nhà trường đại học. Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, trung thực trong thi cử và không ngừng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững kiến thức về lịch sử phát triển khoa học của viễn thám trên thế giới, các nguyên lý chung của việc chụp ảnh hàng không và ảnh vệ tinh. Hiểu rõ về nguyên lý và cơ sở vật lý của viễn thám cũng như các thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. Vận dụng sáng tạo phương pháp phân tích và đoán đọc ảnh viễn thám phục vụ nghiên cứu, quản lý tài nguyên đất đai và môi trường. Có khả năng ứng dụng các phần mềm chuyên ngành để giải đoán ảnh hàng không, ảnh vệ tinh để giải quyết các bài toán tình huống trong việc thành lập bản đồ chuyên đề.

- CLO2: Có khả năng ứng dụng các phần mềm chuyên ngành để giải đoán ảnh hàng không, ảnh vệ tinh để giải quyết các bài toán tình huống trong việc thành lập bản đồ chuyên đề. Vận dụng sáng tạo kỹ năng biên tập và biên vẽ bản đồ từ các nguồn tư liệu viễn thám phục vụ công tác quản lý, dự báo và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- CLO3: Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong nhà trường đại học. Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, trung thực trong thi cử và không ngừng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Ghi chú
	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Tự học	
Khái niệm chung về viễn thám	3	2	-	15	
Chụp ảnh hàng không	3	3	-	25	
Các hệ thống viễn thám phổ biến trên thế giới	3	5	-	20	
Đặc trưng của phản xạ phổ và các đối tượng tự nhiên	4	-	-	30	
Giải đoán ảnh viễn thám	4	5	-	15	
UD viễn thám trong công tác QLNN về đất đai	3	5	-	30	
Thực hành	-	-	30		

Tổng	**20**	**20**	**30**	**135**	

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	***Kiểm tra thường xuyên***	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	***Làm bài tập cá nhân***	Rubric 1	CLO1, CLO2	
3	***Làm bài tập thực hành***	Rubric 2	CLO3, CLO4	
4	***Đánh giá kết quả điểm chuyên cần***	Rubric 3	CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
Tổng hợp kiến thức chương 3,4		Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III. Thi cuối kì				
Tổng hợp kiến thức chương 1, 2, 3, 4,5,6		Rubric 5	CLO1, CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Khắc Thời, Phạm Vọng Thành, Trần Quốc Vinh, Nguyễn Thị Thu Hiền (2012), *Giáo trình Viễn thám*, NXB Đại học Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Nguyễn Đình Tiến (2020), *Bài giảng Viễn Thám,* Trường Đại học Nông Lâm, Đại Học Huế 1.

2). Nguyễn Ngọc Thạch và CS (2010), *Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường,* NXB Khoa học và kĩ thuật.

6.33. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT/LAND INFOMATION SYSTEM

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162017
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin địa lý

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống và hệ thống thông tin, tổng quan về hệ thống thông tin đất đai; các bộ phận của hệ thống thông tin đất; đặc điểm và chức năng của hệ thống thông tin đất đai; cơ sở dữ liệu đất đai của hệ thống thông tin đất đai; một hệ thống thông tin có liên quan. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin đất đai: tính cấp thiết và mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai; các giai đoạn phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu các kiến thức chung về GIS, các thành phần một hệ GIS và LIS, tầm quan trọng của LIS đối với vấn đề quản lý nhà nước về đất đai nói chung và vấn đề quy hoạch sử dụng đất nói riêng. Sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề công nghệ thông tin trên thế giới và ở Việt Nam.

- CO2: Ứng dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống thông tin trong đó có hệ thống thông tin đất nhằm trợ giúp ra quyết định, quản lý lãnh thổ, khai thác thông tin phục vụ cho phát triển kinh tế xã hôi.

- CO3: Nhận thức được tầm quan trọng của LIS và có thái độ đúng đắn trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn góp phần vào việc ứng dụng một công nghệ thông tin vào thực tiễn quản lý nhà nước về đất đai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về chức năng và ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý (GIS) và hệ thống thông tin đất (LIS) trong công tác quản lý đất đai.

- CLO2: Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nhằm ứng dụng phần mềm tin học chuyên ngành trong công tác xây dựng bản bồ số, xây dựng được hệ thống thông tin đất phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp cơ sở.

- CLO3: Nhận biết và giải quyết được các vấn đề, khả năng thu thập, phân tích và đánh giá thông tin. Sử dụng được các phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- CLO4: Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm. Vận dụng tốt kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây dựng các loại bản đồ chuyên nghành.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
Chương 1: Khái niệm cơ bản về thông tin hệ thống và hệ thống thông tin	4	2			15

1.1. Thông tin 1.2. Hệ thống 1.3. Hệ thống thông tin					
Chương 2: Hệ thống thông tin đất đai 2.1. Tổng quan về hệ thống thông tin đất đai 2.2. Các bộ phận của hệ thống thông tin đất 2.3. Đặc điểm và chức năng của hệ thống thông tin đất đai 2.4. Cơ sở dữ liệu đất đai của hệ thống thông tin đất đai 2.5. Một hệ thống thông tin có liên quan	5	4			35
Chương 3: Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin đất đai 1. Tính cấp thiết và mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai 2. Các giai đoạn phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai 3. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai 4. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong hệ thống thông tin đất 5. Xây dựng nguồn nhân lực trong hệ thống thông tin đất	6	4	10		35
Chương 4: Quản lý thông tin đất đai 4.1. Giới thiệu 4.2. Khái quát về công tác quản lý thông tin đất đai 4.3. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của quản lý thông tin đất đai 4.4. Đặc điểm, tính chất của quản lý thông tin đất đai 4.5. Nội dung của công tác quản lý thông tin đất đai 4.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đất đai	5			25	25
Thực hành: Xây dựng một hệ thống thông tin đất đai cấp cơ sở				30	25
Tổng	**20**	**10**	**10**	**30**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	***Làm bài tập cá nhân (tự luận):*** Các khái niệm về thông tin, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin đất đai	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	***Đánh giá kết quả bài thực hành số 1***: Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian đất đai	Rubric 2	CLO3 CLO4	
3	***Đánh giá kết quả bài thực hành số 2:*** Xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc tính đất đai	Rubric 2	CLO3 PLO4	
4	***Đánh giá kết quả điểm chuyên cần***	Rubric 3	CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
Hệ thống hóa các khái niệm cơ bản, khả năng ứng dụng của hệ thống thông tin đất đai		Rubric 4	CLO2 CLO3 CLO4	20%
III. Thi cuối kì				
Tổng hợp các kiến thức đã học về hệ thống thông tin đất đai đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam		Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Lê Thị Giang (2016), *Giáo trình Cơ sở dữ liệu đất đai*, NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1). Nguyễn Ngọc Thạch (2012), *Viễn thám và hệ thống tin địa lí ứng dụng*, NXB ĐH Khoa học tự nhiên;

2). Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành (2009), *Cơ sở hệ thống thông tin địa lý*, NXB Xây dựng

6.34. GIÁM SÁT QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT/SUPERVISE MANEGEMENT AND LAND USING

- Số tín chỉ: 03 (20 ; 20; 30)
- Mã học phần: 162078
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và MT
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

1. Mô tả tóm tắt học phần

Một số vấn đề cơ bản về thanh tra, kiểm tra. Cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực. Thanh tra viên, cộng tác viên. Cơ quan thanh tra đất đai. Khái niệm về thanh tra đất đai. Mục đích, yêu cầu, nội dung của thanh tra đất đai. Khiếu nại hành chính và khiếu nại hành chính trong lĩnh vực đất đai. Quản lý, giám sát công tác khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực đất đai. Xử phạt hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản về thanh tra, kiểm tra và thanh tra kiểm tra đất đai, các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra đất đai, giải quyết khiếu nại tố cáo và tranh chấp đất đai

- CO2: Giải quyết được các tình huống tranh chấp, khiếu nại đất đai trong thực tế; Đánh giá được thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai tại một địa phương.

- CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc; Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, không ngừng học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được nguyên tắc, nội dung về thanh tra, kiểm tra đất đai. Các biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai..

- CLO2: Vận dụng được kiến thức vào việc giải quyết các tình huống tranh chấp, khiếu nại đất đai trong thực tế.

- CLO3: Đánh giá được thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

- CLO4: Học hỏi, tôn trọng chuyên môn, người dạy và người học. Giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về thanh tra, kiểm tra	3	2				35
Chương 2: Cơ quan thanh tra Nhà nước	3	4				45
Chương 3: Thanh tra đất đai	4	3				25
Chương 4: Giải quyết khiếu nại, tố cáo	5	2	6	20		15
Chương 5: Xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết tranh chấp đất đai	5	1	4	10		15
Tổng	**20**	**10**	**10**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy học:

Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần (Rubric 1)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân (Rubric 2)		
3	Bài tập nhóm	Rubc đánh giá bài tập nhóm (Rubric 3)		
4	Bài thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân (Rubric 2)		
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì (Rubric 4)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì (Rubric 5)	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương (2017), *Giáo trình Thanh tra đất*, NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Đỗ Thị Đức Hạnh, Hoàng Anh Đức (2011), *Giáo trình Thanh tra đất*, NXB NN.

2). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024*, NXB công an nhân dân.

6.35. Chọn 1 trong 2 học phần

a. THOÁI HOÁ VÀ PHỤC HỒI ĐẤT/LAND DEGRADATION AND RESTORATION.

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)

- Mã học phần: 162083
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

1. Mô tả học phần

Các khái niệm và bản chất của sự thoái hóa đất, các nguyên nhân làm đất bị thoái hóa, ảnh hưởng của thoái hoá đất đến khả năng sản xuất, các giải pháp phục hồi lại khả năng sản xuất của đất, thoái hóa đất ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Thoái hoá đất và phục hồi đất để nhận biết, giải thích, phân tích, đánh giá được các tác động của thoái hoá đất tới sản xuất nông nghiệp tại một địa phương cụ thể.
- CO2: Phân tích được nguyên nhân gây thoái hoá đất và đề xuất được giải phpas phục hồi đất tại một địa phương cụ thể từ đó, tư vấn được cho địa phương phương án hành động thích hợp để chủ động thích nghi với thay đổi của thời tiết, khí hậu
- CO3: Nhận thức được mức độ quan trọng của đất bị thoái hóa hiện nay. Tham gia tích cực vào các chương trình sử dụng và bảo vệ đất nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Về kiến thức:

- CLO1: Hiểu và trình bày được khái niệm thoái hóa đất, phục hồi đất, các loại hình thoái hóa đất.
- CLO2: Phân tích được nguyên nhân gây thoái hóa đất
- CLO3: Đề xuất các giải pháp phục hồi đất bị thoái hóa

Về kỹ năng:

- CLO4: Đề xuất được các giải pháp phục hồi đất ở một khu vực cụ thể **.**

Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- CLO5: Tham gia trong các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; Thể hiện được năng lực làm việc độc lập; Thực hiện được một nghiên cứu độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy – học**					**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về thoái hoá đất	5	5	-	10	-	45
Chương 2: Các loại hình thoái hoá đất và biện pháp phục hồi đất	8	10	-	10	-	45
Chương 3: Thoái hoá đất ở Việt Nam	7	5	-	10	-	45
Tổng	20	20		30		135

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình; Thảo luận; Hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (04)**			
1	Bài tập cá nhân/tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, CLO 2, CLO 3.	30%
2	Thực hành	Rubric đánh giá thực hành	CLO 4, CLO 5	
3	Thảo luận, bài tập nhóm	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 4, CLO 5	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 4, CLO 5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết hoặc trắc nghiệm	Rubric đánh giá bài giữa kì/Thang điểm đánh giá bài trắc nghiệm.	CLO 1, CLO 2, CLO 3	20%
III	**Thi cuối kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Lê Văn Khoa (2010), *Giáo trình ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý*, NXB Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1). Lê Bá Dũng, Lê Bá Liên (2018), *Hệ sinh thái đất và nông nghiệp hữu cơ*, NXB ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

b. ĐẤT DỐC VÀ XÓI MÒN/ SLOPPING LAND AND SOIL EROSION

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)

- Mã học phần: 162063
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: đất dốc và sử dụng đất dốc; tiềm năng và thách thức trong sử dụng đất dốc; xói mòn đất; biện pháp kỹ thuật phòng chống xói mòn, rửa trôi đất;

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giải thích được khái niệm đất dốc, xói mòn và các vấn đề sử dụng đất dốc và xói mòn; Các biện pháp kỹ thuật phòng chống xói mòn, rửa trôi đất; một số nghiên cứu trường hợp về xói mòn đất.
- CO2: Đánh giá đúng được thực trạng vùng đất dốc tại một địa phương cụ thể.
- CO3: Nhận thức được tầm quan trọng của đất dốc, xói mòn và phát triển bền vững. Tích cực trong tư duy và chủ động trong hành động để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được khái niệm về đất dốc, xói mòn, các tiềm năng và thách thức của đất dốc và xói mòn; các biện pháp sử dụng hiệu quả đất dốc, biện pháp chống xói mòn đất.
- CLO2: Phân tích được tiềm năng và thách thức trong sử dụng đất dốc; xói mòn đất.
- CLO3: Đánh giá được thực trạng vùng đất dốc và xói mòn tại một vùng/khu vực cụ thể.
- CLO4: Đề xuất được biện pháp sử dụng đất dốc và hạn chế xói mòn một vùng đất dốc tại một địa phương cụ thể
- CLO5: Tham gia các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, có ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

4. Nội dung học phần

4.1. Phần lý thuyết

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đất dốc và sử dụng đất dốc	5	5	-	10		30
Chương 2: Tiềm năng và thách thức trong sử dụng đất dốc	5	5	-			35
Chương 3: Xói mòn đất	5	5	-	10		40
Chương 4: Biện pháp kỹ thuật phòng, chống, hạn chế xói mòn, rửa trôi đất	5	5	-	10		30
Tổng	**20**	**20**		**30**		**135**

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình; Thảo luận; Hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Phương pháp	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng

	kiểm tra, đánh giá			số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO 4, CLO 5	
3	Thảo luận	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 4, CLO 5	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 4, CLO 5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Trắc nghiệm	Rubric/Thang điểm đánh giá trắc nghiệm.	CLO 1, CLO 2, CLO 3	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Trắc nghiệm	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO5	50%

4.2. Phần thực hành

Bài 1 (10 tiết): Phân tích đặc điểm, các điều kiện tự nhiên, tác động và ảnh hưởng của hoạt động con người đến đất đồi núi, tiềm năng và thách thức trong sử dụng đất dốc tại 1 địa phương cụ thể.

Bài 2 (10 tiết): Xác định dạng xói mòn và các yếu tố ảnh hưởng đến đất dốc tại một địa phương cụ thể.

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

1). Đỗ Nguyên Hải, Cao Việt Hà, Phan Quốc Hưng (2017), *Đất dốc và xói mòn*, NXB Đại học Nông Nghiệp Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1). Nguyễn Viết Khoa, Võ Đại Hải, Nguyễn Đức Thanh, (2008), *Kỹ thuật canh tác trên đất dốc*, NXB Nông nghiệp.

6.36-37. Chọn 2 trong 3 học phần

a. THUẾ NHÀ ĐẤT/HOUSING TAX

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162080
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và MT

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần

Những vấn đề cơ bản về thuế. Khái niệm, đặc điểm, tác dụng, nguyên tắc thiết lập thuế của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất; Nội dung cơ bản của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất: Đối tượng nộp thuế; Đối tượng chịu thuế và đối tượng không thuộc diện chịu thuế; Căn cứ tính thuế; Phương pháp tính thuế; Chế độ miễn, giảm thuế; Thủ tục kê khai và nộp thuế; Tổ chức quản lý thuế. Thuế chuyển quyền sử dụng đất: Khái niệm, đặc điểm, tác dụng, nội dung của thuế chuyển quyền sử dụng đất. Phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất. Khái niệm và tác dụng, một số quy định về phí và lệ phí; Các loại phí và lệ phí trong sử dụng đất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản về thuế; Phân tích được các nội dung của thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế nhà đất; thuế chuyển quyền sử dụng đất; mức thu của các loại phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất đai.
- CO2: Tính toán được các loại thuế sử dụng đất: Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế nhà đất; Thuế chuyển quyền sử dụng đất; Phí và lệ phí trong sử dụng đất.
- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, chính xác khi quyết định các mức tính thuế các loại đất.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản về thuế.
- CLO2: Phân tích được khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập, nội dung cơ bản của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất.
- CLO3: Phân tích được khái niệm, mức thu của các loại phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất.
- CLO4: Tính toán được các loại thuế sử dụng đất: Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế nhà đất; Thuế chuyển quyền sử dụng đất; Phí và lệ phí trong sử dụng đất.
- CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, chính xác khi quyết định các mức tính thuế các loại đất; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về thuế	2	2				25
Chương 2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	7	6	15			35
Chương 3. Thuế nhà đất	5	5	5			20
Chương 4. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	3	3	5			30
Chương 5. Phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất	3	4	5			25
Tổng	**20**	**20**	**30**	**0**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-6	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 – CLO5, CLO7	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric 4	CLO1-3	20%
III	**Thi cuối kì**			
Viết		Rubric 5	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

-Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thị Liên (2008), *Giáo trình thuế,* NXB Tài chính

Tài liệu tham khảo:

1). Lê Hoằng Bá Huyền (2016), *Giáo trình Chính sách và nghiệp vụ thuế,* NXB Lao động.

b. KINH TẾ ĐẤT/LAND ECONOMICS

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 163181
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đất đai; Độ phì nhiêu và khai thác độ phì nhiêu của đất; địa tô; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất; Môi trường và các chế độ canh tác trong sử dụng đất; Thị trường đất đai; Tài nguyên đất đai và chính sách sử dụng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức tổng quan về kinh tế tài nguyên đất; những vấn đề liên quan đến kinh tế đất: Độ phì nhiêu của đất, địa tô và các chế độ canh tác trong sử dụng đất;

- CO2: Vận dụng được những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn để phân tích được lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất; phân tích thi trường đất đai và các chính sách trong sử dụng đất;

- CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc; Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, không ngừng học tập và tìm hiểu chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về đất đai, sử dụng đất, địa tô, các chế độ canh tác trong sử dụng đất nhằm tối đa hóa lợi nhuận;

- CLO 2: Phân tích được lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong sử dụng đất để xác định mức độ phù hợp sử dụng đất, đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đối với các loại đất để đưa ra các chính sách, hoạch định hợp lý trong quản lý và sử dụng đất;

- CLO3: Phân tích được thị trường đất đai và dự đoán được xu hướng vận động của đất đai và đưa ra hướng đầu tư đúng đắn.

- CLO4: Có thái độ học tập nghiêm túc; thường xuyên cập nhật những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy - học**				**Tự học**
	Giờ lên lớp (tiết)		**Thực hành**	**Khác**	
	Lý thuyết	**Thảo luận, bài tập**			
Chương 1. Tổng quan về kinh tế tài nguyên đất	2	3			8
Chương 2. Độ phì nhiêu và khai thác độ phì nhiêu của đất	2	2			12
Chương 3. Địa tô	3	2			8
Chương 4. Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất	3	3			38
Chương 5. Môi trường và các chế độ canh tác trong sử dụng đất	2	3			28
Chương 6. Thị trường đất đai	3	3			23
Chương 7. Tài nguyên đất đai và chính sách sử dụng	5	4	30		18
Tổng số	**20**	**20**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	**Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**CĐR HP liên quan**	**Trọng số**
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04 bài)			

1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric 2	CLO 2	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubc 3	CLO 3	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO1	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
1	Viết	Rubric 5	CLO1,2	20%
III	**Thi cuối kì**			
1	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Ngô Đức Cát (2007), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất,* NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Đỗ Thị Lan, Đỗ Anh Tài (2007), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất,* NXB Nông nghiệp.

c. THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN/THE REAL ESTATE MARKET

- Số tín chỉ: 03 (20; 20, 30)
- Mã học phần: 162051
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Những kiến thức về bất động sản và thị trường bất động sản. Pháp luật về bất động sản. Đăng ký bất động sản. Định giá bất động sản. Kinh doanh bất động sản. Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản. Thực trạng và giải pháp thúc đẩy sự phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bất động sản và thi trường bất động sản; khung pháp lý về thị trường bất động sản và quản lý nhà nước về thị

trường bất động sản; các vấn đề pháp lý trong định giá, đăng ký, kinh doanh bất động sản; Thực trạng về thị trường bất động sản ở Việt Nam và một số nước, những giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam

- CO2: Vận dụng các văn bản pháp lý trong đăng ký, định giá, kinh doanh, quản lý bất động sản và đưa ra được những giải pháp có ý nghĩa trong việc phát triển thị trường bất động sản.

- CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc; Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, không ngừng học tập và tìm hiểu chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các kiến thức về bất động sản và thị trường bất động sản; khung pháp lý về thị trường bất động sản và quản lý nhà nước về thị trường bất động sản ở Việt nam; các vấn đề pháp lý trong đăng ký, định giá và kinh doanh bất động sản.

- CLO2: Phân tích trạng về thị trường bất động sản ở Việt Nam và một số nước, đề xuất các giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam

- CLO3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản; về quản lý Nhà nước và chính sách pháp luật về thị trường bất động sản vào quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản; các phương pháp định giá bất động sản; các văn bản pháp lý trong đăng ký, kinh doanh, quản lý và định giá bất động sản.

- CLO4: Phân tích được thực trạng và đề xuất được các chính sách, biện pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực thị trường bất động sản có hiệu quả

- CLO5: Có thái độ học tập nghiêm túc; có thái độ khách quan khi vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn; thường xuyên cập nhật những thay đổi của pháp luật trong lĩnh vực thị trường bất động sản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1. Bất động sản và thị trường bất động sản	3				8
Chương 2. Pháp luật về bất động sản	3	1			12
Chương 3. Đăng ký bất động sản	2	2	10		8
Chương 4. Định giá bất động sản	3	4	10		38
Chương 5. Kinh doanh bất động sản	5	5			28
Chương 6. Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản	3	5			23
Chương 7. Thực trạng và một số giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và	1	3	10		18

phát triển thị trường bất động sản ở việt nam					
Tổng số	**20**	**20**	**30**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric 2	CLO 1-5	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubc 3	CLO 1,3,5	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO2,4,5	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
1	Viết	Rubric 5	CLO1,3	20%
III	**Thi cuối kì**			
1	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Đình Bồng (2005), *Giáo trình Thị trường Bất động sản,* NXB Nông nghiệp.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1). Trịnh Hữu Liên, Nguyễn Bá Long, Xuân Thị Thu Thảo, Nguyễn Thị Hải Ninh (2017), *Giáo trình Thị trường bất động sản,* NXB Nông nghiệp.

6.38. chọn 1 trong 2 học phần

a. QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN/URBAN AND RESIDENTAL AREA PLANNING

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 262061
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về: Cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ. Đô thị và quá trình phát triển đô thị. Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị. Điểm dân cư nông thôn. Quy hoạch xây dựng phát triển điểm dân cư nông thôn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được các kiến thức về cơ cấu cư dân, các khái niệm về đô thị, quá trình phát triển đô thị và quản lý đô thị; các kiến thức quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, các khái niệm và phân loại điểm dân cư nông thôn; các kiến thức quy hoạch xây dựng phát triển điểm dân cư nông thôn.

- CO2: Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng được các phương án quy hoạch xây dựng đô thị quy mô nhỏ: khu trung tâm xã, hệ thống cơ sở hạ tầng của xã; Đánh giá được thực trạng phát triển đô thị hoặc khu dân cư nông thôn.

- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc xây dựng các phương án quy hoạch.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các kiến thức về cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ.

- CLO2: Phân tích được khái niệm đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị; Giải thích được các kiến thức quy hoạch xây dựng phát triển đô thị

- CLO3: Phân loại được điểm dân cư nông thôn, cơ cấu tổ chức điểm dân cư nông thôn; Giải thích được các kiến thức quy hoạch xây dựng phát triển điểm dân cư nông thôn.

- CLO4: Xây dựng được phương án quy hoạch khu trung tâm 1 xã hoặc quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng của xã; Đánh giá thực trạng phát triển đô thị hoặc khu dân cư nông thôn.

- CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc xây dựng các phương án quy hoạch; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1: Cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ	2	2			20
Chương 2: Đô thị và quá trình phát triển đô thị	3	3			20

Chương 3: Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	10	9	30		35
Chương 4: Điểm dân cư nông thôn	2	3			20
Chương 5: Quy hoạch xây dựng phát triển điểm dân cư nông thôn	3	3			40
Tổng số	**20**	**20**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập và thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-6	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1 - CLO5, CLO7	
3	Thực hành	Rubric 3	CLO6	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric 4	CLO1-3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 5	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.
- Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Vũ Thị Bình (2008), *Giáo trình Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn*, NXB Đại học Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Thị Hải Yến (2011), *Giáo trình Quy hoạch xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

b. QUY HOẠCH VÙNG/REGIONAL PLANNING

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162079
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam.

- CO2: Vận dụng các kiến thức về quy hoạch vùng trong việc xây dựng phương án quy hoạch của một vùng

- CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc; Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, không ngừng học tập và tìm hiểu chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng, các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và Việt nam, cơ sở khoa học và lý huận của quy hoạch vùng;

- CLO2: Xây dựng được phương án quy hoạch của một vùng;

- CLO3: Phân tích được đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam;

- CLO4: Có thái độ học tập nghiêm túc; thường xuyên cập nhật những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1: Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng	2	3			23
Chương 2. Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và việt nam	2	3			23
Chương 3: Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng	3	2			19
Chương 4. Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng	8	6	30		40
Chương 5. Đặc điểm quy hoạch vùng ở việt nam	5	6			30
Tổng số	**20**	**20**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric 2	CLO 1	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubc 3	CLO 3	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO2	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
1	Viết	Rubric 5	CLO1,2	20%
III	**Thi cuối kì**			
1	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thị Vòng (2009), *Giáo trình Quy hoạch vùng*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1). Trương Mạnh Tiến (2002), *Môi trường và quy hoạch tổng thể theo hướng phát triển bền vững. Một số cơ sở lý luận và thực tiễn,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2). Nguyễn Thế Thôn (2004), *Quy hoạch môi trường phát triển bền vững,* NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

6.39. Chọn 1 trong 2 học phần

a. QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI/SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT MASTER PLANNING

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 163062

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội gồm các nội dung: Nhập môn quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, cơ sở lý luận khoa học của quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, nội dung quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể đã áp dụng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta, đặc điểm quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội. Những cơ sở lý luận khoa học, phương pháp luận và phương pháp cụ thể để xây dựng, điều hành quản lý hệ thống quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường;
- CO2: Vận dụng các kiến thức về quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trong việc xây dựng phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội. Phân tích được cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội
- CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc; Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, không ngừng học tập và tìm hiểu chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được thực trạng, mục tiêu cơ bản, nội dung và phương pháp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam;
- CLO 2: Phân tích được những cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội;
- CLO3: Xây dựng được phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tại một địa phương trên cơ sở phân tích các yếu tố nguồn lực, giải quyết chiến lược phát triển kinh tế xã hội và quy trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội;
- CLO4: Có thái độ học tập nghiêm túc; thường xuyên cập nhật những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập			
Chương 1. Nhập môn quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	4	3			25
Chương 2. Cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	4	5			25
Chương 3. Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	7	7	30		50

Chương 4. Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội đã áp dụng trên thế giới và Việt Nam	5	5			35
Tổng số	**20**	**20**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric 2	CLO 1,2	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubc 3	CLO 3	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
1	Viết	Rubric 5	CLO1,2	20%
III	**Thi cuối kì**			
1	Viết	Rubric 6	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thị Vòng (2008), *Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội,* NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Trần Văn Tấn (2006), *Kinh tế đô thị và vùng,* NXB Xây dựng.

2). Ngô Doãn Vịnh (2003), *Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam - Học hỏi và sáng tạo,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

b. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/RURAL DEVELOPMENT PLANNING

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 162179
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và MT
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần

Đại cương về phát triển và phát triển nông thôn: Khái niệm; ý nghĩa, vai trò của phát triển nông thôn; Cơ sở đánh giá mức độ phát triển; Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu. Đặc trưng và sự cần thiết phải phát triển nông thôn: Khái niệm và đặc trưng của vùng nông thôn; Sự cần thiết phải phát triển nông thôn. Những vấn đề vĩ mô về phát triển nông thôn: Phát triển nông nghiệp - điều kiện tiên quyết cho phát triển nông thôn; Công nghiệp hoá; Đô thị hoá nông thôn; Quan điểm và những giải pháp chủ yếu phát triển nông thôn. Quy hoạch phát triển nông thôn: Khái niệm và nguyên lý quy hoạch phát triển nông thôn; Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc của quy hoạch phát triển nông thôn; Nội dung và phương pháp phát triển nông thôn; Trình tự các bước tiến hành lập phương án quy hoạch phát triển nông thôn; Đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch; Dự án phát triển kinh tế xã hội nông thôn. Phát triển nông thôn và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản để phát triển nông thôn một cách toàn diện và bền vững.
- CO2: Xây dựng được phương án quy hoạch phát triển nông thôn.
- CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc; Có ý thức về trách nhiệm hoàn thành các bài tập đúng thời hạn, tham dự đầy đủ các buổi học, không ngừng học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được nguyên tắc, nội dung trong phát triển nông thôn.
- CLO2: Vận dụng được kiến thức để xây dựng phương án quy hoạch phát triển nông thôn.
- CLO3: Đánh giá được hiệu quả của phương án quy hoạch; Dự án phát triển kinh tế xã hội nông thôn.
- CLO4: Học hỏi, tôn trọng chuyên môn, người dạy và người học. Giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)					
	LT	TL	BT	TH	Khác	

Chương 1. Đại cương về phát triển và phát triển nông thôn	3	2				35
Chương 2. Đặc trưng và sự cần thiết phải phát triển nông thôn	2	3				45
Chương 3. Những vấn đề vĩ mô về phát triển nông thôn	4	6				25
Chương 4. Quy hoạch phát triển nông thôn	6	6		30		15
Chương 5. Phát triển nông thôn và bảo vệ môi trường	5	3				15
Tổng	**20**	**20**	**0**	**30**	**0**	**135**

5. Phương pháp dạy học:

Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành.

6. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra,đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (04)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần (Rubric 1)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân (Rubric 2)		
3	Bài tập nhóm	Rubc đánh giá bài tập nhóm (Rubric 3)		
4	Bài thực hành	Rubric đánh giá bài tập cá nhân (Rubric 2)		
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì (Rubric 4)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì (Rubric 5)	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của

học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). PGS.TS Vũ Thị Bình (2006), *Giáo trình Quy hoạch phát triển nông thôn,* Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

2). TS. Đoàn Công Quỳ (2008), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

III. Kiến thức bổ trợ

6.40. Chọn 1 trong 2 học phần

a. LẬP VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/ESTABLISHMENT AND MANAGEMENT OF RURAL DEVELOPMENT PROJECTS

- Số tín chỉ: 03 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 163317
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức về dự án và xây dựng dự án, các bước trong việc tiến hành xây dựng một dự án theo phương pháp LFA; Các khâu trong việc thẩm định, đánh giá và giám sát một dự án; một số phương pháp, công cụ trong việc điều tra, đánh giá và thu thập thông tin cho việc xây dựng, thẩm định và giám sát một dự án phát triển nông thôn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản về dự án, các bước trong một chu trình dự án cũng như trong công tác quản lý dự án; nội dung, phương pháp xây dựng, thực hiện dự án phát triển nông thôn; ội dung phương pháp phân tích, thẩm định dự án; quy trình trong việc giám sát và đánh giá một dự án phát triển nông thôn.

- CO2: Xây dựng và hoàn thiện được cây vấn đề và chuyển cây vấn đề thành cây mục tiêu cụ thể cho một cộng đồng, một địa phương cụ thể; xây dựng được khung LFA hoàn chỉnh cho việc xây dựng một dự án phát triển nông thôn với qui mô nhỏ.

- CO3: Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của lập và quản lý dự án đối với việc phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về dự án, các bước trong một chu trình dự án cũng như trong công tác quản lý dự án; nội dung, phương pháp xây dựng, thực hiện, thẩm định, quy trình trong việc giám sát và đánh giá một dự án phát triển nông thôn.

- CLO2: Vận dụng được khung LFA hoàn chỉnh vào một dự án phát triển nông thôn.

- CLO3: Vận dụng được cây vấn đề và cây mục tiêu để giải quyết một vấn đề cho một cộng đồng, một địa phương cụ thể.

- CLO4: Thực hiện được các hoạt động xây dựng dự án phát triển nông thôn, thẩm định và đánh giá dự án phát triển nông thôn.

- CLO5: Tuân thủ các nội quy, quy định trong quá trình học tập trên lớp và trong quá trình thực hành tại cơ sở thực tế.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá kết quả điểm chuyên cần	Rubric 1	CLO6	30%
2	Làm bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO2	
3	Thuyết trình theo chủ đề (bài tập nhóm)	Rubric 3	CLO1,2	
4	Đánh giá kết quả bài thực hành	Rubric 4	CLO2,3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 5	CLO2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 6	CLO1,2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số tiết lý thuyết, dự các tiết thảo luận và thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư,* ĐHKTQD.

Tài liệu tham khảo:

1). Trần Hữu Dào (1997), *Quản lý dự án nông thôn,* NXB Thống kê.

b. PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/RURAL DEVELOPMENT

- Số tín chỉ: 03 (20LT; 30TL; 20TH)
- Mã học phần: 163568
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học cây trồng.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn đối với phát triển kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung. Đồng thời môn học cũng khái quát vai trò của các cơ quan tổ chức trong phát triển nông thôn, những kiến thức cơ bản cơ bản về phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giải thích được những kiến thức cơ bản về vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn đối với phát triển kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung. Đồng thời môn học cũng khái quát vai trò của các cơ quan tổ chức trong phát triển nông thôn.

- CO2: Vận dụng được các kiến thức về vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, môi trường nông thôn và vai trò của các cơ quan tổ chức đối với phát triển nông thôn nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng nhằm xây dựng và phát triển địa phương.

- CO3: Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển nông thôn và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong xây dựng và phát triển địa phương.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn đối với phát triển kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung;

CLO2: Trình bày được vai trò của các cơ quan tổ chức trong phát triển nông thôn.

CLO3: Phân tích được vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, môi trường nông thôn và vai trò của các cơ quan tổ chức đối với phát triển nông thôn nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng nhằm xây dựng và phát triển địa phương.

CLO4: Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của phát triển nông thôn và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong xây dựng và phát triển địa phương; xây dựng chiến lược xây dựng và phát triển nông thôn tại địa phương.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

Chương 1: Giới thiệu về phát triển nông thôn	3	4	1	0		28
Chương 2: Phát triển kinh tế nông thôn	5	7	1	5		28
Chương 3: Phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn	6	6	1	5		28
Chương 4: Vai trò của nhà nước và các tổ chức trong phát triển nông thôn	2	4	1	5		26
Chương 5: Nghiên cứu phát triển nông thôn	4	4	1	5		25
Tổng	**20**	**30**		**20**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (Số TC +01)			
1	Đánh giá kết quả điểm chuyên cần	Rubric 1	CLO6	
2	Làm bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1	30%
3	Thuyết trình theo chủ đề (bài tập nhóm)	Rubric 3	CLO2	
4	Đánh giá kết quả bài thực hành	Rubric 4	CLO3	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 2	CLO2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 3	CLO1,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số tiết lý thuyết, dự các tiết thảo luận và thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà (2005), *Giáo trình Phát triển nông thôn,* NXB Đại học Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1). Trương Huy Chinh (2018), *Quy hoạch xây dựng nông thôn bền vững*, NXB Nông nghiệp.

6.41. Chọn 1 trong 2 học phần

a. HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP/AGRICULTURAL SYSTEM

- Số tín chỉ: 3 (20; 20; 30)
- Mã học phần:163071
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học cây trồng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý thuyết hệ thống trong phát triển và hệ thống nông nghiệp. Vai trò của nông nghiệp và các loại hệ thống nông nghiệp và tổng quan nghiên cứu - phát triển hệ thống nông nghiệp. Phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp, nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu - phát triển hệ thống nông nghiệp

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về hệ thống nông nghiệp, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

- CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về lý thuyết phá triển trong hệ thống nông nghiệp. Vài trò của các loại hệ thống nông nghiệp. Cách phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp và nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp

- CO3: Người học có kỹ năng thực hiện được các phân tích định tính và định lượng các chỉ tiêu vật lý và hóa học trong đất. Kiến thức về sử dụng thiết bị, dụng cụ, hóa chất, an toàn trong phòng thí nghiệm. Người học có khả năng tiếp cận các kiến thức về các tiến bộ trong lĩnh vực hệ thống nông nghiệp. Có kĩ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng tổ chức, quản lí các hoạt động nhóm và thuyết trình để thích ứng với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về lý thuyết phát triển trong hệ thống nông nghiệp và vai trò của các loại hệ thống nông nghiệp; vai trò của các loại hệ thống nông nghiệp khác nhau; Cách phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp và nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu - phát triển hệ thống nông nghiệp; tình hình thực tế các loại hệ thống nông nghiệp tại Việt Nam và trên thế giới
- CLO2: Giải thích được sự khác nhau về các loai hệ thống nông nghiệp phổ biến
- CLO3: Thực hiện được các phương pháp phân tích hệ thống nông nghiệp

- CLO4: Tuân thủ các nội quy, quy định về an toàn trong quá trình làm việc tại cơ sở sản xuất và địa điểm xây dựng mô hình; có kĩ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	
	LT	TL,BT		
Chương 1. Lý thuyết hệ thống trong phát triển và hệ thống nông nghiệp	2	3		18
Chương 2. Vai trò của nông nghiệp và các loại hệ thống nông nghiệp	2	2	5	18
Chương 3. Tổng quan nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp	2	3		19
Chương 4. Lựa chọn khu vực và điểm nghiên cứu trong hệ thống nông nghiệp	2	2	5	16
Chương 5. Phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp	3	4	10	15
Chương 6. Phát hiện vấn đề hạn chế và khai thác tiềm năng	4	2		19
Chương 7. Nghiên cứu thử nghiệm đồng ruộng	3	2	5	15
Chương 8. Chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu – phát triển hệ thống NN	2	2	5	15
Tổng	**20**	**20**	**30**	**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên** (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-4	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1	
3	Vấn đáp	Rubric 3	CLO1,2	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO2-4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)**			
	Viết	Rubric 5	CLO1-2	20%
III	**Thi cuối kì**			
	Viết	Rubric 6	CLO2-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Phạm Tiến Dũng, Vũ Đình Tôn (2013), *Giáo trình hệ thống nông nghiệp*, NXB Đại học Nông Nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1.) Phạm Bình Quyền (2007), *Hệ sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

b. NÔNG LÂM KẾT HỢP/INTERGRATED AGRO-FORESTRY

- Số tín chỉ: 3 (20; 20; 30)
- Mã học phần: 161081
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và PTNT
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về nông lâm kết hợp và xu hướng phát triển nông lâm kết hợp; kỹ thuật nông lâm kết hợp; tiếp cận bền vững trong nông lâm kết hợp; Các mô hình nông lâm kết hợp ở Việt Nam; thị trường nông lâm sản ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nhận thức vai trò của hệ thống nông lâm kết hợp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông thôn. Hiểu được nguyên lý cơ bản của nông lâm kết hợp, xu hướng phát triển nông lâm kết hợp, kỹ thuật nông lâm kết hợp. Mô tả được đặc điểm các hệ thống nông lâm kết hợp.

- CO2: Giải thích được nguyên lý kỹ thuật trong xây dựng mô hình nông lâm kết hợp để thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Phân tích được thị trường nông lâm sản hiện nay ở Việt Nam; Nhận diện một số hệ thống nông lâm kết hợp; thiết kế được một bản dự toán chi phí, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của mô hình sản xuất nông lâm kết hợp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được nguyên lý cơ bản của nông lâm kết hợp, đặc điểm cơ bản của một mô hình nông lâm kết hợp. Phân tích kỹ thuật nông lâm kết hợp áp dụng cho từng điều kiện sản xuất cụ thể.

- CLO2: Xây dựng được một bản dự toán chi phí, và thực hiện được một mô hình sản xuất nông lâm kết hợp phù hợp. Đánh giá được hiệu quả của mô hình sản xuất nông lâm kết hợp

- CLO3: Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập, kỹ năng thuyết trình các vấn đề liên quan đến sản xuất nông lâm nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nông lâm kết hợp và xu hướng phát triển nông lâm kết hợp	4	2				35
Kỹ thuật nông lâm kết hợp	5	3	5	15		45
Tiếp cận bền vững trong nông lâm kết hợp	4	3				25
Các mô hình nông lâm kết hợp ở Việt Nam	5	5		8		15
Thị trường nông lâm sản ở Việt Nam	2	2		7		15
Tổng	**20**	**15**	**5**	**30**		**135**

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; phát vấn; thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thuờng xuyên (Số TC +01)			
1	Kiểm tra viết: Nguyên lý kỹ thuật nông lâm kết hợp	Rubric 2	CLO1	30%
2	Thuyết trình: Xây dựng bản dự toán chi phí cho một mô hình nông lâm kết hợp cụ thể	Rubric 3 Rubric 1	CLO2	
3	Làm bài tập: tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng hợp của mô hình nông lâm kết hợp	Rubric 2 Rubric 1	CLO2	
4	Thực hành:	Rubric 2 Rubric 1	CLO2,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Làm bài viết – tự luận: Đánh giá hiệu quả tổng hợp của các hệ thống sử dụng đất, phân tích lựa chọn hệ thống sử dụng đất hiệu quả.	Rubric 4	CLO1,2	20%
III	Thi cuối kì			

	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 5	CLO1,2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham gia ít nhất 17 tiết lý thuyết, 27 tiết thảo luận, bài tập, 21 tiết thực hành
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần
- Trong quá trình học phải tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tự học, thảo luận nhóm.
- Hoàn thành 3 bài kiểm tra thường xuyên, 01 báo cáo thực hành môn học và 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Về đánh giá: Căn cứ vào mức độ kiến thức, kỹ năng đạt được, tinh thần, thái độ học tập, kết quả các bài kiểm tra để cho điểm, đảm bảo sự công bằng và chính xác.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hoàn (2005), *Nông lâm kết hợp*, NXB Nông nghiệp, HN

Tài liệu tham khảo:

1). Chu Thị Thơm (2006), *Hướng dẫn sản xuất kết hợp nông - lâm nghiệp ở vùng đồi núi,* NXB Lao động.

2). Chu Thị Thơm (2006), *Kỹ thuật canh tác trên đất dốc*, NXB Lao động.

IV. THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP

6.42. RÈN NGHỀ/ PROFESSIONAL PRACTICE

- Số tín chỉ:03 (0, 0, 90)
- Mã học phần: 162087
- Bộ môn phụ trách học phần: BM Khoa học đất và Môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Trắc địa, ứng dụng tin học vẽ bản đồ

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Sử dụng thành thạo máy kinh vĩ, toàn đạc điện tử. Sử dụng được các phần mềm thành lập bản đồ như Microstation, Famis, ArcGIS. Hoàn thiện các thao tác cơ bản trong đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành: bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn đã học trong việc sử dụng máy kinh vĩ, máy thuỷ chuẩn và máy toàn đạc điện tử về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật đo đạc thành lập, xây dựng lập bản đồ chuyên nghành như: Bản đồ địa chính, trích lục bản đồ, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất.
- CO2: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ xử lý số liệu để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác.
- CO3: Có khả năng học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành; có

năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên nghành.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn nhằm thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật trong việc sử dụng các thiết bị đo đạc như máy kinh vĩ, máy thuỷ chuẩn, máy toàn đạc điện tử trong công tác đo đạc, thành lập bản đồ.

- CLO2: Có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu và ứng dụng các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ thành lập bản đồ địa chính, trích lục bản đồ, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác.

- CLO3: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên nghành.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
Nội dung 1: Đo đạc chi tiết 1 khu vực xác định				**30**	
Nội dung 2: Sử dụng số liệu đo đạc thành lập sơ đồ/bản đồ hiện trạng sử dụng đất khu vực đo				**30**	
Nội dung 3: Xây dựng cơ sở dữ liệu khu đo bằng phần mềm ArcGIS				**30**	

5. Phương pháp dạy - học

Hướng dẫn thực hành đo đạc ngoài thực địa (Ngoại nghiệp) và xây dựng bản đồ, cơ sở dữ liệu bản đồ (Nội nghiệp).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
1	Đánh giá chuyên cần	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	Đánh giá kết quả bài thực hành (theo nhóm)	Rubric 5	CLO2 CLO3	70%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học của học phần.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Phạm Văn Chuyên (2012), *Trắc địa đại cương*, NXB Xây dựng Hà Nội.

2). Lê Thị Giang (2016), *Giáo trình thực hành Hệ thống thông tin địa lý*, NXB Nông nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1). Đàm Xuân Hoàn, Nguyễn Khắc Thời, Nguyễn Trọng Tuyển (2005), *Trắc địa,* NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

2). Nguyễn Thanh Trà (1999), *Giáo trình bản đồ địa chính*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

3). Lê Thị Giang (2017), *Giáo trình cơ sở dữ liệu đất đai,* NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

4). Dương Đăng Khôi (2012), *Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý,* Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6.43. THỰC TẬP GIÁO TRÌNH/ACADEMIC TRIP

- Số tín chỉ: 03 (0,0,90)
- Mã học phần: 162033
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học đất và Môi trường, khoa NLNN
- Điều kiện tiên quyết: rèn nghề, công trình tổng hợp, các học phần chuyên ngành.

1. Mô tả học phần:

Thực tập giáo trình là một công trình tổng hợp các môn học chuyên ngành thông qua đi thực tế tại địa phương, doanh nghiệp, tổ chức... trong thời gian 2 tuần. Thông qua quá trình thực tập sinh viên bước đầu tiếp cận với hệ thống hồ sơ địa chính và các nộI dung về công tác quản lý nhà nước về đất đai. Học phần được thực hiện ở học kỳ 8 của khóa học.

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Qúa trình thực tập tại địa phương hướng cho sinh viên cập nhật kiến thức thực tiễn, giải quyết những vấn sản xuất tại cơ sở (công việc quản lý đất đai tại xã, thị trấn, văn phòng đăng ký đất đai ở huyện…), lấy đòi hỏi của thực tiễn làm mục tiêu của nâng cao trình độ chuyên môn đào tạo ngành Quản lý đất đai.

CO2: Thực tập giáo trình chính là cách áp dụng lý thuyết vào thực tế, giúp sinh viên nắm vững lý thuyết hơn. Áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, xử lý công việc, đáp ứng yêu cầu của địa phương, doanh nghiệp đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai.

CO3: Tổng hợp, phân tích và xử lý được dựng được các nguồn dữ liệu từ việc điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Trên cơ sở điều kiện hiện trạng của địa phương đề xuất các phương án quy hoạch sử dụng đất trên bản đồ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã học nhằm hoàn thiện các kỹ năng của một cán bộ địa chính trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai tại địa phương.

- CLO2: Nắm vững các nội dung quản lý nhà nước về đất đai, hệ thống hồ sơ địa chính. Phân tích, tổng hợp, xử lý được số liệu và ứng dụng các phần mềm tin học chuyên ngành thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác.

- CLO3: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có khả năng làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây dựng được kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
1. Điều tra hiệu quả các loại hình sử dụng đất				**15**	
2. Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai				**15**	
3. Khảo sát giá đất ở và đất nông nghiệp				**15**	
4. Đánh giá tiềm năng đất đai				**15**	
5. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				**15**	
6. Xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất				**15**	

5. Phương pháp dạy - học

Học phần thực tập giáo trình được thực hiện tại địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức như UBND cấp xã, UBND cấp huyện, phòng TNMT, văn phòng đăng ký đất đai, sở TN&MT, các trung tâm, doanh nghiệp đo đạc bản đồ...trong thời gian 2 tuần dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công phụ trách.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
1	Đánh giá chuyên cần	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	Làm bài thu hoạch cá nhân (tự luận)	Rubric 7	CLO2 CLO3	70%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết tại đơn vị thực tập.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). Đoàn Công Quỳ (2006), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1). Quốc hội (2024), *Luật đất đai 2024,* NXB Công an nhân dân

2). Chính phủ (2024), *Nghị định 101/NĐ-CP ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2024 về quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai*

V. THỰC TẬP/KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

6.44. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/GRADUATION INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 05 (0,0,150)
- Mã học phần: 162068
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học đất và Môi trường, khoa NLNN
- Điều kiện tiên quyết: tích luỹ 70% số lượng tín chỉ

1. Mô tả học phần:

Thực tập tốt nghiệp một công trình tổng hợp các môn học chuyên ngành thông qua việc làm việc thực tế tại địa phương, doanh nghiệp, tổ chức... trong thời gian 4 tuần. Thông qua quá trình thực tập sinh viên bước đầu tiếp cận với hệ thống hồ sơ địa chính và các nộI dung về công tác quản lý nhà nước về đất đai. Học phần được thực hiện ở học kỳ 8 của khóa học.

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên hoàn thiện và nâng cao kiến thức cơ bản, hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và giải quyết độc lập các vấn đề có ý nghĩa thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn.

CO2: Sinh viên được làm quen với môi trường làm việc thực tế, tiếp xúc trực tiếp với hệ thống hồ sơ địa chính và công tác quản lý đất đai tại địa phương, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp để giải quyết một số vấn đề còn tồn đọng trong lĩnh vực quản lý đất đai tại cơ sở thực tập.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Áp dụng tốt các kiến thức chuyên môn đã học trong việc khảo sát, điều tra, thu thập và xử lý số liệu thu thập được tại cơ sở thực tập. Hiểu rõ chức năng và nhiệm vụ của cán bộ địa chính trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương.

- CLO2: Phân tích được những thông tin trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai để khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học, hiệu quả.

- CLO3: Nắm vững và áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai. Đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thực tiễn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
1. Xác định vấn đề nghiên cứu				20	
2. Xây dựng và bảo vệ đề cương nghiên cứu				30	
3. Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu phục tại cơ sở thực tập				75	
4. Hoàn thiện, viết báo cáo thực tập tốt nghiệp				100	
Tổng				**225**	

5. Phương pháp dạy - học

Học phần thực tập tốt nghiệp được thực hiện tại địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức như UBND cấp xã, UBND cấp huyện, phòng TNMT, văn phòng đăng ký đất đai, sở TN&MT, các trung tâm, doanh nghiệp đo đạc bản đồ...trong thời gian 4 tuần dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công phụ trách.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
1	***Đánh giá chuyên cần***	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	***Báo cáo thực tập tốt nghiệp***	Rubric 8	CLO2 CLO3	70%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết tại đơn vị thực tập tốt nghiệp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, và nộp báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Tài liệu các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành có liên quan

6.45. ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 6 (0; 0; 180)
- Mã học phần: 162066
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp và tích luỹ 80% số lượng tín chỉ của chương trình đào tạo.

1. Mô tả học phần

Sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học theo các hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai. Đồ án tốt nghiệp bao gồm các phần: Mở đầu, tổng quan về các nội dung nghiên cứu; Nội dung và phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu; Kết luận và kiến nghị.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được các kiến thức đã học xác định hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai vào thực tế một địa phương như: thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới, dự báo nhu cầu sử dụng đất cấp xã.. phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương.

- CO2: Điều tra, thu thập được số liệu, tài liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; Tổng hợp, xử lý được số liệu điều tra; Phân tích, đánh giá được các kết quả nghiên cứu; Trình bày được một báo cáo khoa học hoàn chỉnh và bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước hội đồng chấm.

- CO3: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình các nội dung nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CL01: Điều tra, thu thập được số liệu theo hướng nghiên cứu đã xác định;
- CL02: Tổng hợp, xử lý được số liệu điều tra;
- CLO3: Phân tích, đánh giá được các kết quả nghiên cứu;
- CLO 4: Trình bày được một báo cáo khoa học hoàn chỉnh và bảo vệ được đồ án tốt nghiệp trước hội đồng chấm;
- CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình các nội dung nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)	Thực	Khác	

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	hành		
Phần 1: Mở đầu				20		
Phần 2: Tổng quan tài liệu nghiên cứu				50		
Phần 3: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu				30		
Phần 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận				150		
Phần 5: Kết luận và kiến nghị				20		
Tổng				**270**		

5. Phương pháp dạy – học: Hướng dẫn thực hành

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
II	**Thi cuối kì**			
	Bảo vệ Báo cáo đồ án tốt nghiệp	Rubric 1	CLO1-5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên đề xuất được một đề tài nghiên cứu khoa học đúng chuyên ngành được đào tạo và góp phần giải quyết các vấn đề mà cơ sở thực hiện đồ án đang cần thiết phải giải quyết.

- Xây dựng được đề cương đề tài đồ án tốt nghiệp; thực hiện được nội dung đề tài đồ án tốt nghiệp; viết và trình bày được báo cáo đồ án tốt nghiệp.

- Nghiêm túc thực hiện nội quy thực tập của Nhà trường, khoa và cơ sở thực hiện đồ án tốt nghiệp.

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu chính, tài liệu tham khảo liên quan đến đề tài được giao. Thực hiện các công việc theo tiến độ được giao dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị các báo cáo liên quan đến kiểm tra tiết độ và bảo vệ đồ án…).

- Bảo vệ được đồ án tốt nghiệp trước hội đồng chấm đồ án hoặc tổ chấm báo cáo đồ án.

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1). PGS.TS Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, (2021), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học,* NXB Khoa học Xã hội.

Tài liệu tham khảo:

1). GS- TSKH Lê Huy Bá, (2006), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học tập 1,* NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Về cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào

tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Chương trình Giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

- Căn cứ hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra của Bộ giáo dục và Đào tạo (2009).

- Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐH Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 28-6-2022 của HĐ trường Trường ĐH Hồng Đức*);

- Căn cứ Quyết định số 847 ĐHHĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ Về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

2. Về cơ sở thực tiễn

Tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước:

1). Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2021),https://dt.hunre.edu.vn/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-he-chinh-quy-nganh-quan-ly-dat-dai.html;

2). Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế (2020), https://huaf.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-nganh-quan-ly-dat-dai;

3). Chương trình khung ĐH QLĐĐ, ĐH Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (2020), https://daotao.hcmunre.edu.vn/cu-nhan-quan-ly-dat-dai-chuyen-nganh-quy-hoach-dat-dai-2020.

**** Kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*** *(Nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên).*

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đậu Bá Thìn

Scanned with CamScanner